
BỒ ĐỀ TRẮC NGHIỆM LUYỆN THI THPT QUỐC GIA 2018

ĐỀ 1

1. Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của các nước Đông Nam Á những năm gần đây chuyển dịch theo hướng
 - A. giảm tỉ trọng khu vực I và III, tăng tỉ trọng khu vực II.
 - B. tăng tỉ trọng khu vực I, giảm tỉ trọng khu vực II và III.
 - C. tăng tỉ trọng khu vực I và III, giảm tỉ trọng khu vực II.
 - D. giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II và III.
2. Vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở là
 - A. vùng tiếp giáp lãnh hải.
 - B. lãnh hải.
 - C. vùng đặc quyền về kinh tế.
 - D. nội thủy.
3. Về cơ bản, nền nông nghiệp nước ta là một nền nông nghiệp
 - A. cận nhiệt đới.
 - B. nhiệt đới.
 - C. cận xích đạo.
 - D. ôn đới.
4. Vấn đề tiêu biểu nhất của Đông Nam Bộ so với các vùng khác trong cả nước là
 - A. khai thác lãnh thổ theo chiều sâu.
 - B. phát triển nghề cá.
 - C. hình thành các vùng chuyên canh.
 - D. thu hút đầu tư.
5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Trị là
 - A. Quảng Trị.
 - B. Đồng Hới.
 - C. Đông Hà.
 - D. Hội An.
6. Ngành công nghiệp năng lượng được coi là ngành công nghiệp trọng điểm phải đi trước một bước là do
 - A. ngành này có nhiều lợi thế (tài nguyên, lao động, thị trường) và là động lực để thúc đẩy các ngành khác.
 - B. sử dụng ít lao động, không đòi hỏi quá cao về trình độ.
 - C. thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài.
 - D. trình độ công nghệ sản xuất cao, không gây ô nhiễm môi trường.
7. Nhân tố quan trọng nhất khiến cho kim ngạch xuất khẩu của nước ta liên tục tăng trong những năm gần đây là
 - A. điều kiện tự nhiên thuận lợi.
 - B. mở rộng thị trường và đa dạng hóa sản phẩm.
 - C. nguồn lao động dồi dào, chất lượng cao.
 - D. cơ sở vật chất – kĩ thuật tốt.
8. Ngành sản xuất nào dưới đây được coi là xương sống của nền kinh tế Liên Bang Nga?

- A. Nông nghiệp.
 - B. Công nghiệp.
 - C. Xây dựng.
 - D. Dịch vụ.
9. Các vùng có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới đa dạng, có cả các sản phẩm nhiệt đới, cận nhiệt và ôn đới là
- A. Đồng bằng sông Hồng, Tây Nguyên, Trung du miền núi Bắc Bộ.
 - B. Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ, Trung du miền núi Bắc Bộ.
 - C. Trung du miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên.
 - D. Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ.
10. Loại đất có diện tích lớn nhất ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là
- A. đất phù sa ngọt.
 - B. đất mặn.
 - C. đất phèn.
 - D. đất xám trên phù sa cổ.
11. Hàm lượng phù sa của sông ngòi nước ta lớn do
- A. mạng lưới sông ngòi dày đặc.
 - B. tổng lượng nước sông lớn.
 - C. chế độ nước sông thay đổi theo mùa.
 - D. quá trình xâm thực, bào mòn mạnh mẽ ở miền núi.
12. Các đảo và quần đảo của nước ta
- A. hầu hết là có cư dân sinh sống.
 - B. tập trung nhiều nhất ở vùng biển phía nam.
 - C. có ý nghĩa lớn trong việc bảo vệ và phát triển kinh tế đất nước.
 - D. có ý nghĩa lớn trong khai thác tài nguyên khoáng sản.
13. Đô thị hóa ở nước ta có đặc điểm là
- A. trình độ đô thị hóa thấp.
 - B. tỉ lệ dân thành thị giảm.
 - C. phân bố đô thị đều giữa các vùng.
 - D. quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh.
14. Các cây công nghiệp lâu năm có giá trị kinh tế cao của nước ta là
- A. cà phê, cao su, mía.
 - B. hồ tiêu, bông, chè.
 - C. cà phê, cao su, chè.
 - D. điều, chè, thuốc lá.
15. Vùng núi Đông Bắc có mùa đông lạnh nhất ở nước ta, nguyên nhân là
- A. có độ cao lớn nhất nước.
 - B. nằm xa biển nhất nước.
 - C. chịu tác động mạnh nhất của gió mùa Đông Bắc.
 - D. nằm xa xích đạo nhất trong cả nước.
16. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, khu vực có mật độ dân số cao cũng như tập trung hầu hết các đô thị lớn của Đồng bằng sông Cửu Long phân bố ở
- A. dải ven biên giới Việt Nam – Campuchia.
 - B. dải ven biển.
 - C. dải ven sông Tiền, sông Hậu.
 - D. vùng bán đảo Cà Mau.

17. Một trong những biểu hiện rõ nét của toàn cầu hóa kinh tế là
- A. sự phát triển mạnh của số doanh nghiệp nhỏ và vừa.
 - B. đầu tư nước ngoài tăng nhanh.
 - C. khoảng cách giàu nghèo giữa các nước ngày càng tăng.
 - D. cơ cấu kinh tế thế giới chuyển dịch theo hướng tiến bộ.
18. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 17, các trung tâm kinh tế ở nước ta xếp theo thứ tự giảm dần về quy mô (năm 2007) là
- A. Hà Nội, Đà Nẵng, Thanh Hóa, Nha Trang.
 - B. Hà Nội, Thanh Hóa, Đà Nẵng, Nha Trang.
 - C. Hà Nội, Nha Trang, Đà Nẵng, Thanh Hóa.
 - D. Hà Nội, Đà Nẵng, Nha Trang, Thanh Hóa.

19. Cho bảng số liệu:

TỈ SUẤT GIA TĂNG DÂN SỐ TỰ NHIÊN TRUNG BÌNH NĂM

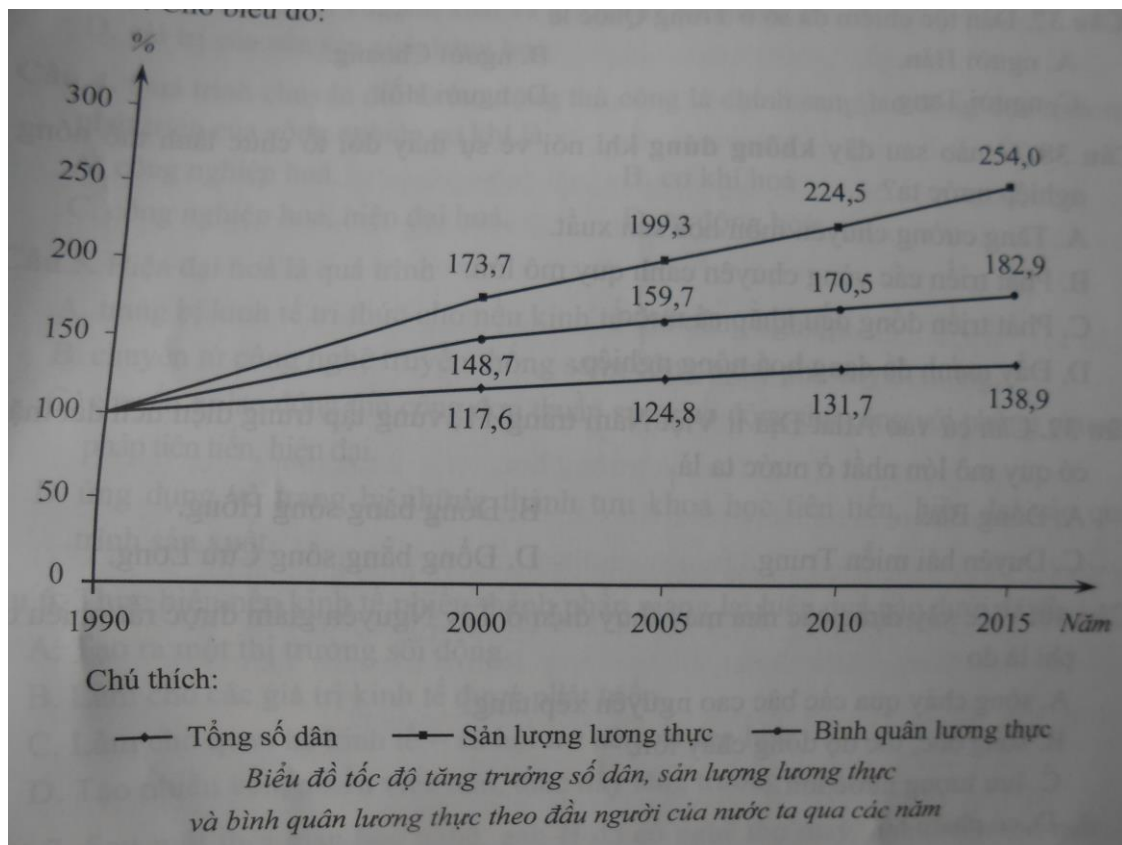
(Đơn vị: %)

Giai đoạn Nhóm nước	1960 – 1965	1975 – 1980	1985 – 1990	1995 – 2000	2010 – 2015
Phát triển	1,2	0,8	0,6	0,2	0,1
Đang phát triển	2,3	1,9	1,9	1,7	1,4

Bảng số liệu cho thấy tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên trung bình năm của các nước phát triển

- A. cao hơn của các nước đang phát triển và có xu hướng tăng dần.
 - B. thấp hơn của các nước đang phát triển và có xu hướng tăng dần.
 - C. cao hơn của các nước đang phát triển và có xu hướng giảm dần.
 - D. thấp hơn của các nước đang phát triển và có xu hướng giảm dần.
20. Vùng biển nước ta giàu tài nguyên sinh vật biển là do
- A. thêm lục địa nông, độ mặn lớn.
 - B. nước biển ấm quanh năm, nhiều ánh sáng, giàu oxi.
 - C. có nhiều vũng vịnh, đầm phá.
 - D. có các dòng hải lưu.
21. Trong chế độ khí hậu, ở miền Bắc phân chia thành hai mùa là
- A. mùa đông lạnh, mưa nhiều và mùa hạ nóng, ít mưa.
 - B. mùa đông ẩm áp, mưa nhiều và mùa hạ mát mẻ, ít mưa.
 - C. mùa đông lạnh, ít mưa và mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều.
 - D. mùa đông ẩm áp, ít mưa và mùa hạ mát mẻ, mưa nhiều.
22. Bắt đầu từ khi nào dân số thế giới tăng nhanh, dẫn tới bùng nổ dân số?
- A. Từ giữa thế kỉ XIX.
 - B. Từ đầu thế kỉ XX.
 - C. Từ giữa thế kỉ XX.
 - D. Từ đầu thế kỉ XXI.
23. Cây công nghiệp quan trọng số một của vùng Tây Nguyên là
- A. cao su.
 - B. cà phê.
 - C. điều.

- D. dừa.
24. Phần lớn lãnh thổ châu Phi có cảnh quan
- A. rừng cận nhiệt đới khô, xa van và xa van rừng.
 - B. rừng nhiệt đới ẩm, xa van và xa van rừng.
 - C. rừng cận nhiệt đới khô, rừng xích đạo và rừng nhiệt đới ẩm.
 - D. hoang mạc, bán hoang mạc và xa van.
25. Vùng Đồng bằng sông Hồng phải đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ là do
- A. khả năng mở rộng diện tích hết sức khó khăn.
 - B. có nguồn lao động dồi dào.
 - C. khí hậu thuận lợi.
 - D. nhu cầu của thị trường tăng cao.
26. Trong các biện pháp dưới đây, biện pháp nào là cấp bách để nâng cao chất lượng nguồn lao động của nước ta hiện nay?
- A. Tăng cường xuất khẩu lao động để học hỏi kinh nghiệm.
 - B. Đổi mới mạnh mẽ phương thức đào tạo người lao động.
 - C. Nâng cao thể trạng người lao động.
 - D. Bố trí lại nguồn lao động cho hợp lí.
27. Khó khăn về tự nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là
- A. triều cường xâm nhập mặn.
 - B. rét đậm, rét hại.
 - C. cát bay, cát lấn.
 - D. sóng thần.
28. Cho biểu đồ



Biểu đồ trên thể hiện được nội dung nào sau đây?

- A. Tổng số dân, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người của nước ta qua các năm.
B. Tổng số dân, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người của nước ta năm 2015.
C. Tốc độ tăng trưởng tổng số dân, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người của nước ta qua các năm.
D. Tốc độ tăng trưởng tổng số dân, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người của nước ta năm 2015.
29. Ý nào dưới đây là lợi thế của nước ta trong phát triển công nghiệp hiện nay?
A. Nguồn nguyên liệu nhập rất đa dạng.
B. Nguồn lao động đông dân, giá rẻ.
C. Nguồn vốn đầu tư dồi dào.
D. Thị trường tiêu thụ lớn từ Lào và Campuchia.
30. Căn cứ vào bản đồ Khí hậu chung ở Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, các trạm khí hậu có chế độ mưa vào mùa thu – đông tiêu biểu ở nước ta là
A. Sa Pa, Lạng Sơn, Hà Nội.
B. Hà Nội, Điện Biên, Lạng Sơn.
C. Đồng Hới, Đà Nẵng, Nha Trang.
D. Đà Lạt, Cần Thơ, Cà Mau.
31. Tuyến đường được coi là “xương sống” của hệ thống đường bộ nước ta là
A. quốc lộ 5.
B. quốc lộ 6.
C. quốc lộ 1.
D. quốc lộ 2.
32. Cho bảng số liệu

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH TẠI MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM

(Đơn vị: °C)

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình tháng I	Nhiệt độ trung bình tháng VII	Nhiệt độ trung bình năm
Lạng Sơn	13,3	27,0	21,2
Hà Nội	16,4	28,9	23,5
Vinh	17,6	29,6	23,9
Huế	19,7	29,4	25,1
Quy Nhơn	23,0	29,7	26,8
TP Hồ Chí Minh	25,8 (tháng XII)	28,9 (tháng IV)	27,1

Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu trên?

- A. Nhiệt độ trung bình tháng I giảm dần từ Bắc vào Nam.
B. Nhiệt độ trung bình năm giảm dần từ Bắc vào Nam.
C. Nhiệt độ trung bình tháng VII giữa các địa điểm chênh lệch nhau ít hơn so với tháng I.
D. Chênh lệch nhiệt độ giữa tháng I và tháng VII càng vào Nam càng lớn.
33. Phương châm “sống chung với lũ” ở Đồng bằng sông Cửu Long nhằm
A. khai thác các nguồn lợi về kinh tế do lũ hằng năm đem lại.
B. thích nghi với sự biến đổi khí hậu.
C. thay đổi tốc độ dòng chảy của sông.

D. giảm bớt các thiệt hại do lũ gây ra.

34. Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta biểu hiện ở

A. độ ẩm lớn, cân bằng ẩm luôn dương.

B. lượng mưa lớn, trung bình năm từ 1500 đến 2000mm.

C. trong năm có hai mùa rõ rệt.

D. tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm.

35. Cho bảng số liệu

**GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ
CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM**

(Đơn vị: nghìn tỉ đồng – giá thực tế)

Thành phần kinh tế	Năm	1996	2005	2010	2014
Nhà nước		74,2	249,1	567,1	1080,8
Ngoài Nhà nước		35,7	308,9	1150,9	1987,5
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài		39,6	433,1	1245,5	2936,2

Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu trên?

A. Kinh tế Nhà nước liên tục chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp nước ta.

B. Kinh tế ngoài Nhà nước không thay đổi về tỉ trọng trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp tăng liên tục qua các năm.

C. Tỉ trọng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp nước ta.

D. Từ năm 2005 trở đi, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp nước ta.

36. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, số lượng các tỉnh có cả khu kinh tế cửa khẩu và khu kinh tế ven biển ở nước ta là

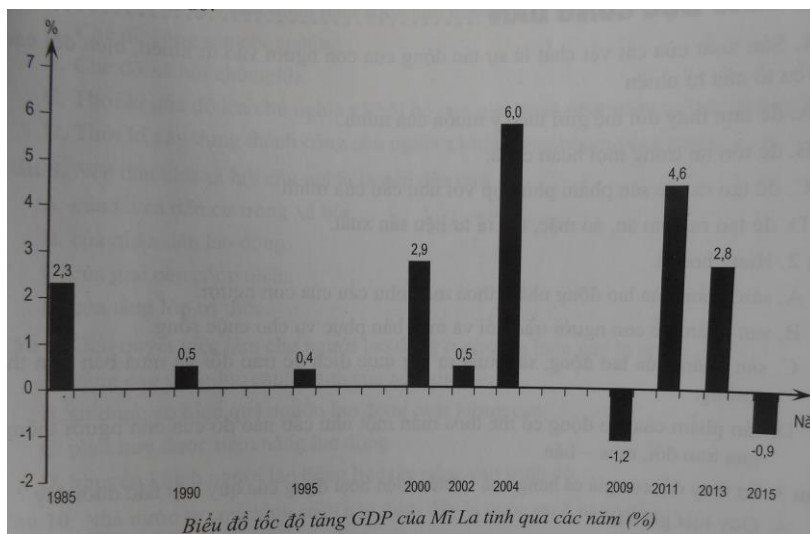
A. 3.

B. 4.

C. 5.

D. 6.

37. Cho biểu đồ



Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây là đúng.

- A. Từ năm 1985 đến năm 2000 tốc độ giảm, từ năm 2000 đến năm 2015 tốc độ tăng.
B. Giai đoạn 1985 – 2015, trung bình mỗi năm GDP tăng 1%.
C. Trước năm 2009 tốc độ tăng dương, sau năm 2009 tốc độ tăng âm.
D. Tốc độ tăng GDP không ổn định.
38. Công nghiệp chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa phân bố ở các đô thị lớn chủ yếu do đây là
A. các vùng nuôi bò sữa lớn.
B. nơi có kỹ thuật nuôi bò sữa phát triển.
C. nơi có thị trường tiêu thụ lớn.
D. nơi có nhiều lao động có trình độ.
39. Cấu trúc địa hình nước ta gồm hai hướng chính là
A. hướng bắc – nam và hướng vòng cung.
B. hướng tây bắc – đông nam và hướng vòng cung.
C. hướng đông – tây và hướng vòng cung.
D. hướng đông bắc – tây nam và hướng vòng cung.
40. Người ta phân chia thế giới thành hai nhóm: các nước phát triển và các nước đang phát triển, chủ yếu dựa vào sự khác biệt về
A. vị trí địa lý.
B. thành phần chủng tộc và tôn giáo.
C. trình độ phát triển kinh tế - xã hội.
D. quan điểm chính trị.
-

ĐỀ 2

41. Ngành có tính truyền thống nhất trong sản xuất nông nghiệp ở khu vực Đông Nam Á là
A. trồng cây công nghiệp, cây ăn quả.
B. trồng lúa nước.
C. chăn nuôi gia súc.
D. nuôi trồng thủy sản.
42. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 30, tỉnh duy nhất thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc (năm 2007) là
A. Vĩnh Phúc.
B. Phú Thọ.
C. Bắc Ninh.
D. Quảng Ninh.
43. Dạng địa hình chiếm diện tích lớn nhất trên lãnh thổ nước ta là
A. đồng bằng.
B. đồi núi thấp.
C. núi trung bình.
D. núi cao.
44. Trong cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế, có tỉ trọng giảm nhưng vẫn luôn giữ vai trò chủ đạo là
A. khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
B. kinh tế Nhà nước.
C. kinh tế ngoài Nhà nước.

D. kinh tế tư nhân.

45. Tiêu chí nào dưới đây **không** được dùng để phân chia thế giới thành hai nhóm nước: các nước phát triển và các nước đang phát triển?

A. Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người (GDP/người).

B. Sự phong phú về tài nguyên thiên nhiên.

C. Chỉ số phát triển con người (HDI).

D. Tỷ suất tử vong của trẻ sơ sinh.

46. Loại đất phân bố thành dải dọc sông Tiền và sông Hậu là

A. đất phèn.

B. đất mặn.

C. đất cát.

D. đất phù sa ngọt.

47. Vùng biển mà ở đó Nhà nước ta thực hiện chủ quyền như trên lãnh thổ đất liền, được gọi là

A. nội thủy.

B. lãnh hải.

C. vùng tiếp giáp lãnh hải.

D. vùng đặc quyền về kinh tế.

48. Qua hơn 40 năm tồn tại và phát triển, thành tựu lớn nhất mà ASEAN đạt được là

A. chế độ chính trị của các quốc gia thành viên tương đối giống nhau.

B. hệ thống cơ sở hạ tầng đã được phát triển theo hướng hiện đại hóa.

C. 10/11 quốc gia trong khu vực trở thành thành viên.

D. không còn mâu thuẫn giữa các quốc gia thành viên.

49. Để phát triển chăn nuôi trâu, bò, vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ **chưa** cần thiết phải

A. cải tạo các đồng cỏ để giải quyết nguồn thức ăn.

B. tăng cường hợp tác với các nước láng giềng để trao đổi kinh nghiệm.

C. phát triển giao thông vận tải để gắn với thị trường tiêu thụ.

D. đa dạng các sản phẩm chăn nuôi.

50. Tỷ trọng của các nhóm tuổi trong cơ cấu dân số ở nước ta đang chuyển biến theo hướng

A. nhóm 0 – 14 tuổi tăng, nhóm 15 – 59 tuổi giảm, nhóm 60 trở lên giảm.

B. nhóm 0 – 14 tuổi giảm, nhóm 15 – 59 tuổi tăng, nhóm 60 trở lên tăng.

C. nhóm 0 – 14 tuổi tăng, nhóm 15 – 59 tuổi giảm, nhóm 60 trở lên tăng.

D. nhóm 0 – 14 tuổi giảm, nhóm 15 – 59 tuổi tăng, nhóm 60 trở lên giảm.

51. Ý nào sau đây **không** phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ ở nước ta những năm qua?

A. Cả nước đã hình thành các vùng kinh tế trọng điểm.

B. Các vùng chuyên canh trong nông nghiệp được hình thành.

C. Các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất có quy mô lớn ra đời.

D. Các khu vực miền núi và cao nguyên trở thành các vùng kinh tế năng động.

52. Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có mùa đông lạnh nhất nước ta là do

A. có nhiều dãy núi cao hướng tây bắc – đông nam.

B. ảnh hưởng của vị trí và các dãy núi hướng vòng cung.

C. có vị trí giáp biển và các đảo ven bờ nhiều.

D. các đồng bằng đón gió.

53. Đặc điểm nào sau đây đúng khi nói về Liên minh châu Âu (đến 2016)?
A. Là tổ chức kinh tế chi phối tới 95% hoạt động thương mại của thế giới.
B. Là tổ chức liên kết kinh tế khu vực có nhiều thành viên nhất.
C. Là tổ chức liên kết kinh tế khu vực có số dân đông nhất.
D. Là tổ chức liên kết kinh tế khu vực có tổng GDP lớn nhất.
54. Biểu hiện rõ nhất của sức ép dân số lên tài nguyên ở vùng Đồng bằng sông Hồng là
A. bình quân đất canh tác trên đầu người giảm.
B. độ màu mỡ của đất giảm.
C. khí hậu ngày càng khắc nghiệt.
D. chất lượng nguồn nước giảm.
55. Ở nước ta, Tín phong hoạt động mạnh nhất vào thời gian
A. giữa mùa gió Đông Bắc.
B. giữa mùa gió Tây Nam.
C. đầu mùa gió Đông Bắc và giữa mùa gió Tây Nam.
D. chuyển tiếp giữa hai mùa gió.
56. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, mỏ khoáng sản không phải mỏ than đá là
A. Vàng Danh.
B. Quỳnh Nhai.
C. Phong Thổ.
D. Nông Sơn.
57. Nhật Bản nằm ở khu vực
A. Đông Á.
B. Đông Nam Á.
C. Bắc Á.
D. Tây Nam Á.
58. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, trong cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của Tây Nguyên, chiếm tỉ trọng cao nhất là
A. dịch vụ.
B. nông, lâm, thủy sản.
C. công nghiệp – xây dựng.
D. thương mại.
59. Cho bảng số liệu

**CƠ CẤU GDP PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ CỦA THỤY ĐIỂN VÀ KÊ-NI-A
NĂM 20A5**

(Đơn vị: %)

Nước	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
Thụy Điển	1,3	26,3	72,4
Kê-ni-a	32,9	19,6	47,5

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của Thụy Điển và Kê-ni-a năm 2015 là

- A. biểu đồ cột.
B. biểu đồ đường.
C. biểu đồ tròn.
D. biểu đồ miền.

60. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 21, các trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành công nghiệp luyện kim màu?

- A. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh.
- B. Thái Nguyên, TP. Hồ Chí Minh.
- C. TP. Hồ Chí Minh, Thủ Dầu Một.
- D. TP. Hồ Chí Minh, Vũng Tàu.

61. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA VÙNG BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ NĂM 2010 VÀ NĂM 2015

(Đơn vị: nghìn tấn)

Vùng Hoạt động	Bắc Trung Bộ		Duyên hải Nam Trung Bộ	
	Năm 2010	Năm 2015	Năm 2010	Năm 2015
Nuôi trồng	97,1	142,7	77,9	81,1
Khai thác	240,9	353,6	670,3	885,6

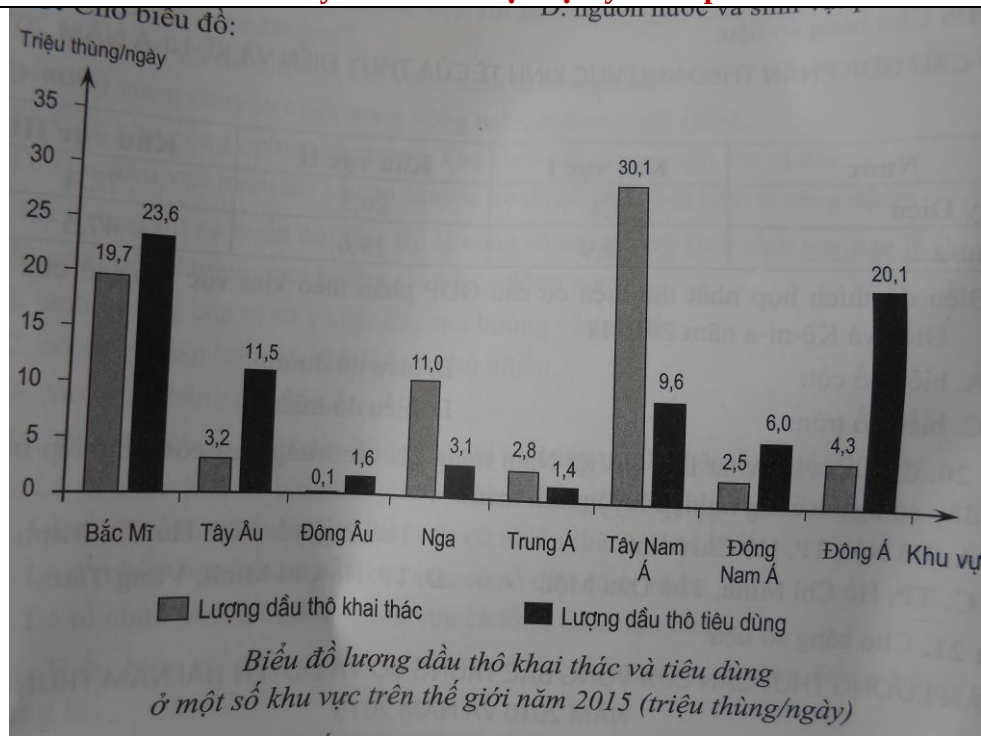
Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu trên?

- A. Vùng Bắc Trung Bộ có sản lượng thủy sản tăng, vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có sản lượng thủy sản giảm.
- B. Vùng Bắc Trung Bộ có sản lượng thủy sản nuôi trồng ít hơn vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.
- C. Vùng Bắc Trung Bộ có sản lượng thủy sản khai thác nhiều hơn vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Vùng Bắc Trung Bộ có sản lượng thủy sản nhỏ hơn vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

62. Yếu tố quan trọng nhất tạo điều kiện cho phát triển sản xuất nông nghiệp quanh năm, dễ dàng áp dụng các biện pháp luân canh, xen canh, tăng vụ là

- A. khí hậu phân hóa, có mùa đông lạnh.
- B. chế độ nhiệt ẩm dồi dào.
- C. địa hình, đất đai đa dạng.
- D. nguồn nước và sinh vật phong phú.

63. Cho biểu đồ



Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây là đúng.

- A. Các khu vực trên thế giới có lượng dầu thô khai thác và tiêu dùng tương đương nhau.
 - B. Đông Á là khu vực có lượng dầu thô tiêu dùng lớn nhất.
 - C. Tây Nam Á là khu vực có lượng dầu thô khai thác và tiêu dùng chênh lệch lớn nhất.
 - D. Bắc Mỹ là khu vực không có sự chênh lệch giữa lượng dầu thô khai thác và tiêu dùng.
64. Chế độ dòng chảy sông ngòi nước ta thất thường là do
- A. độ dốc lòng sông lớn, nhiều thác ghềnh.
 - B. sông có đoạn chảy ở miền núi, có đoạn chảy ở đồng bằng.
 - C. chế độ mưa thất thường.
 - D. lòng sông nhiều nơi bị phù sa bồi đắp.
65. Các tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ lần lượt từ Bắc vào Nam là
- A. Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên – Huế.
 - B. Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Bình, Quảng Trị, Hà Tĩnh, Thừa Thiên – Huế.
 - C. Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Bình, Thừa Thiên – Huế.
 - D. Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Hà Tĩnh, Thừa Thiên – Huế.
66. Một thành tựu quan trọng của Trung Quốc trong phát triển kinh tế - xã hội những năm qua là
- A. GDP bình quân đầu người đứng hàng đầu thế giới.
 - B. không còn tình trạng đói nghèo.
 - C. không có sự phân hóa giàu – nghèo.
 - D. có tốc độ tăng trưởng GDP vào loại cao nhất thế giới.
67. Đặc điểm nào dưới đây hiện **không** còn đúng với dân số nước ta?
- A. Đông dân, có nhiều thành phần dân tộc.
 - B. Dân số tăng nhanh, cơ cấu dân số trẻ.
 - C. Mật độ dân số trung bình toàn quốc tăng.
 - D. dân cư phân bố chưa hợp lý.

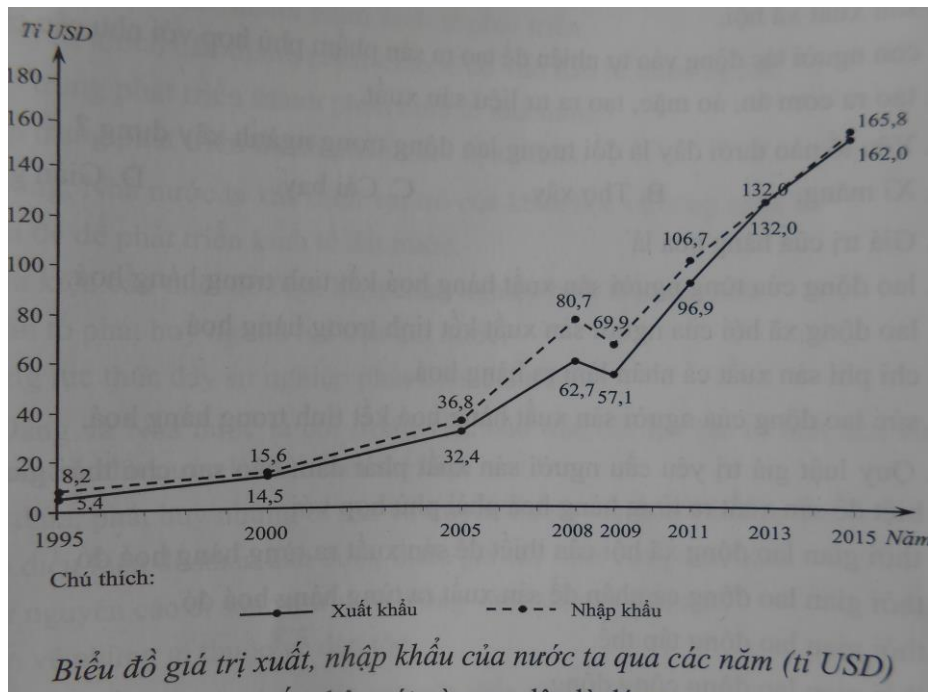
68. Cơ cấu ngành công nghiệp (theo ba nhóm) ở nước ta đang chuyển dần theo hướng
- A. tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến và giảm tỉ trọng các nhóm ngành khác.
 - B. tăng tỉ trọng công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước và giảm tỉ trọng các nhóm ngành khác.
 - C. tăng tỉ trọng công nghiệp khai thác và giảm tỉ trọng các nhóm ngành khác.
 - D. giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến và tăng tỉ trọng của các nhóm ngành khác.
69. Nước ta cần phải đẩy mạnh đánh bắt thủy sản xa bờ vì
- A. nguồn lợi hải sản ven bờ đã hết.
 - B. mang lại hiệu quả kinh tế cao lại góp phần bảo vệ vùng trời, vùng biển và thêm lục địa.
 - C. đánh bắt ven bờ ảnh hưởng đến việc khai thác dầu khí.
 - D. nước ta có nhiều ngư trường xa bờ hơn.
70. Dân cư Hoa Kỳ đang có xu hướng di chuyển
- A. từ các bang phía Bắc đến các bang phía Nam.
 - B. từ các bang vùng Đông Bắc đến các bang phía Nam và ven bờ Thái Bình Dương.
 - C. từ các bang ven hai đại dương vào trung tâm thành phố.
 - D. từ các bang phía Tây ven Thái Bình Dương đến các bang phía Đông ven Đại Tây Dương.
71. Tính mùa vụ trong sản xuất nông nghiệp nhiệt đới nước ta chủ yếu do sự phân hóa về
- A. thổ nhưỡng.
 - B. địa hình.
 - C. khí hậu.
 - D. sinh vật.
72. Căn cứ vào bản đồ Cây công nghiệp (năm 2007) ở Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, các tỉnh có tỉ lệ diện tích trồng cây công nghiệp so với tổng diện tích gieo trồng dưới 10% phân bố ở những vùng nào của nước ta?
- A. Đồng bằng sông Cửu Long, Bắc Trung Bộ.
 - B. Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ.
 - C. Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.
 - D. Đồng bằng sông Hồng, Trung du và miền núi Bắc Bộ.
73. Biển Đông có đặc điểm nào dưới đây?
- A. Nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.
 - B. Là một biển nhỏ trong các biển ở Thái Bình Dương.
 - C. Nằm ở phía đông của Thái Bình Dương.
 - D. Phía đông và đông nam mở ra đại dương.
74. Giải pháp quan trọng nhất để tránh rủi ro trong việc mở rộng các vùng sản xuất cây công nghiệp ở Tây Nguyên là
- A. quy hoạch lại các vùng chuyên canh
 - B. đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp.
 - C. đẩy mạnh khâu chế biến sản phẩm.
 - D. tìm thị trường xuất khẩu ổn định.
75. Cho bảng số liệu
- SỐ DÂN, SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC VÀ BÌNH QUÂN LƯƠNG THỰC THEO ĐẦU NGƯỜI CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM**

(Đơn vị: %)

Năm	Tổng số dân (nghìn người)	Sản lượng lương thực (nghìn tấn)	Bình quân lương thực theo đầu người (kg/người)
1990	66016	19879,7	301,1
2000	77635	34538,9	444,9
2005	82392	39621,6	480,9
2010	86947	44632,2	513,4
2015	91713	50498,3	550,6

Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu trên?

- A. Tổng số dân của nước ta tăng gấp 1,83 lần.
 - B. Sản lượng lương thực tăng gấp 2,54 lần.
 - C. Bình quân lương thực theo đầu người tăng thêm 294,5 kg.
 - D. Tốc độ tăng nhanh nhất là bình quân sản lượng lương thực theo đầu người.
76. Bùng nổ dân số thế giới chủ yếu diễn ra ở các nước đang phát triển, nguyên nhân là
- A. thu nhập của dân cư được nâng cao.
 - B. có tài nguyên thiên nhiên phong phú.
 - C. các chính phủ có chính sách phát triển dân số.
 - D. dân số đông, điều kiện kinh tế - xã hội được cải thiện.
77. Yếu tố tự nhiên quan trọng nhất ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành đánh bắt thủy sản ở nước ta là
- A. chế độ thủy văn.
 - B. điều kiện khí hậu.
 - C. địa hình đáy biển.
 - D. nguồn lợi thủy sản.
78. Cho biểu đồ



Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây là đúng.

- A. Giá trị xuất khẩu và giá trị nhập khẩu có tốc độ tăng bằng nhau trong giai đoạn 1995 – 2015.
- B. Giá trị xuất khẩu tăng được 50,0 lần từ năm 1995 đến năm 2015.
- C. Giá trị nhập khẩu tăng được 20,2 lần từ năm 1995 đến năm 2015.

- D. Giai đoạn 1995 – 2015 nước ta luôn trong tình trạng nhập siêu.
79. Những khu vực chịu tác động khô hạn lớn nhất ở nước ta vào mùa khô là
- A. Tây Nguyên và cực Nam Trung Bộ.
 - B. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.
 - C. các vùng núi Tây Bắc và Đông Bắc.
 - D. Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ.
80. Việc phân chia cơ cấu ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm dựa vào
- A. công dụng kinh tế của sản phẩm.
 - B. nguồn nguyên liệu.
 - C. tính chất tác động đến đối tượng lao động.
 - D. đặc điểm sử dụng lao động.
-

ĐỀ 3

81. Một trong những hệ quả của sự gia tăng dân số nhanh dẫn tới bùng nổ dân số ở các nước đang phát triển là
- A. góp phần quan trọng vào việc làm suy giảm tài nguyên, môi trường.
 - B. thúc đẩy nhanh sự phát triển kinh tế.
 - C. làm tăng tỉ lệ lao động có chất lượng cao.
 - D. gia tăng khoảng cách giàu nghèo giữa các nhóm dân cư.
82. Vùng Đông Bắc có vị trí
- A. nằm ở phía đông của thung lũng sông Hồng.
 - B. nằm giữa sông Hồng và sông Cả.
 - C. nằm từ phía nam sông Cả tới dãy Bạch Mã.
 - D. nằm ở phía nam dãy Bạch Mã.
83. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, tỉnh nào sau đây **không** thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc (năm 2007)?
- A. Bắc Ninh.
 - B. Quảng Ninh.
 - C. Bắc Giang.
 - D. Hưng Yên.
84. Một trong những thành tựu kinh tế của nước ta trong giai đoạn 1990 – 2005 là
- A. cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng tỉ trọng nông – lâm – ngư nghiệp tăng nhanh.
 - B. tốc độ tăng trưởng GDP cao, nước ta liên tục là nước xuất siêu.
 - C. nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ đều phát triển ở trình độ cao.
 - D. tốc độ tăng trưởng GDP cao, nông nghiệp và công nghiệp đạt được nhiều thành tựu vững chắc.
85. Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất toàn vẹn, bao gồm:
- A. vùng đất, hải đảo, thềm lục địa.
 - B. vùng núi, vùng đồng bằng, vùng biển.
 - C. vùng núi cao, vùng đồi núi thấp, vùng đồng bằng.
 - D. vùng đất, vùng biển, vùng trời.
86. Brexit là từ dùng để chỉ hiện tượng
- A. CHLB Đức – nền kinh tế hùng mạnh nhất Liên minh châu Âu.
 - B. người nhập cư ồ ạt đổ vào Liên minh châu Âu.

- C. nước Anh rời khỏi Liên minh châu Âu.
D. khủng hoảng nợ trầm trọng của Hi Lạp.
87. Loại hình giao thông vận tải ra đời muộn nhất ở nước ta là
A. đường sông.
B. đường biển.
C. đường hàng không.
D. đường bộ (ô tô).
88. Cây công nghiệp nào dưới đây được trồng nhiều nhất ở Đông Nam Bộ?
A. Cà phê.
B. Cao su.
C. Hồ tiêu.
D. Chè.
89. Ở nước ta, các đồng bằng hạ lưu sông được bồi tụ, mở mang nhanh chóng là hệ quả của
A. quá trình xâm thực, bóc mòn mạnh mẽ ở miền núi.
B. mạng lưới sông ngòi dày đặc.
C. sông ngòi nhiều nước.
D. chế độ nước sông theo mùa.
90. Cơ cấu ngành kinh tế của các nước phát triển có đặc điểm là
A. khu vực I (nông nghiệp) có tỉ trọng rất cao.
B. khu vực II (công nghiệp – xây dựng) có tỉ trọng rất cao.
C. khu vực III (dịch vụ) có tỉ trọng rất cao.
D. có sự cân đối giữa các khu vực kinh tế.
91. Phần lớn dân cư nước ta sống ở nông thôn do
A. nông nghiệp hiện là ngành kinh tế phát triển nhất.
B. điều kiện sống ở nông thôn cao hơn thành thị.
C. quá trình đô thị hóa diễn ra chậm.
D. có sự di dân từ thành thị về nông thôn.
92. Việc khai thác dầu thô ở nước ta hiện nay chủ yếu để
A. dùng làm nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện.
B. dùng làm nguyên liệu cho các nhà máy lọc dầu trong nước.
C. xuất khẩu thu ngoại tệ.
D. dùng làm nguyên liệu cho công nghiệp hóa chất.
93. Cho bảng số liệu
- CƠ CẤU LAO ĐỘNG CÓ VIỆC LÀM PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM**

(Đơn vị: %)

Trình độ \ Năm	1996	2005	2010	2015
Đã qua đào tạo	12,3	25,0	14,6	20,3
<i>Trong đó:</i>				
<i>Có chứng chỉ nghề sơ cấp</i>	6,2	15,5	3,8	5,0
<i>Trung cấp chuyên nghiệp</i>	3,8	4,2	3,4	4,0
<i>Cao đẳng, đại học trở lên</i>	2,3	5,3	7,4	11,3
Chưa qua đào tạo	87,7	75,0	85,4	79,7

Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu trên?

- A. Trình độ của người lao động nước ta không có biến động.
B. Lực lượng lao động có trình độ cao đông đảo.
C. Phần lớn lao động của nước ta chưa qua đào tạo.
D. Trong số lao động đã qua đào tạo, chiếm tỉ lệ cao nhất là trình độ trung cấp.
94. Các đầu mối giao thông quan trọng nhất ở nước ta xếp theo thứ tự từ Bắc vào Nam là
A. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.
B. Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh.
C. Đà Nẵng, Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh.
D. TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hà Nội.
95. Đường Hồ Chí Minh góp phần cho vùng Bắc Trung Bộ
A. mở rộng liên kết theo hướng đông – tây.
B. tăng quy mô dân số toàn vùng.
C. phát triển kinh tế của khu vực phía tây.
D. hình thành mạng lưới đô thị mới ven biển.
96. Đặc điểm vị trí địa lý nào gắn với việc Hoa Kỳ gia nhập tổ chức kinh tế NAFTA?
A. Nằm ở bán cầu Tây.
B. Phần lớn lãnh thổ nằm trong khoảng 25°B đến 49°B.
C. Nằm giữa hai đại dương lớn: Đại Tây Dương và Thái Bình Dương.
D. Tiếp giáp Ca-na-đa và khu vực Mĩ La tinh.
97. Thế mạnh nào dưới đây là của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?
A. Khai thác và chế biến lâm sản, trồng lúa.
B. Khai thác và chế biến dầu khí, thủy điện.
C. Khai thác và chế biến bôxít, thủy sản.
D. Khai thác và chế biến khoáng sản, thủy điện.
98. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có lợi thế để phát triển nền kinh tế mở vì
A. có nhiều vũng, vịnh thuận lợi xây dựng các cảng nước sâu.
B. vị trí tiếp giáp với Campuchia.
C. do tiếp giáp với vùng Tây Nguyên rộng lớn.
D. có quốc lộ 1 xuyên suốt các tỉnh.
99. Khó khăn nào **không** phải của vùng Đồng bằng sông Cửu Long?
A. Phần lớn diện tích là đất phèn, đất mặn.
B. Thiếu nước trong mùa khô.
C. Xâm nhập mặn vào sâu trong đất liền.
D. Bão và áp thấp nhiệt đới.
100. Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 12, thảm thực vật rừng ôn đới núi cao chỉ xuất hiện ở
A. vùng núi Hoàng Liên Sơn.
B. vùng núi Phong Nha – Kẻ Bàng.
C. vùng núi Ngọc Linh.
D. vùng cao nguyên Lâm Viên.
101. Một trong những ngư trường trọng điểm của nước ta là
A. Cà Mau – Kiên Giang.
B. Hải Phòng – Nam Định.
C. Thái Bình – Thanh Hóa.
D. Quảng Ngãi – Bình Định.

102. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 30, số lượng các khu kinh tế ven biển thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung (năm 2007) là

- A. 2.
- B. 3.
- C. 4.
- D. 5.

103. Cho bảng số liệu

TỈ TRỌNG GDP, SỐ DÂN CỦA EU VÀ MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI NĂM 2014

(Đơn vị: %)

Chỉ số Các nước, khu vực	GDP	Số dân
EU	23,7	7,0
Hoa Kỳ	22,2	4,4
Nhật Bản	5,9	1,8
Trung Quốc	13,7	18,8
Ấn Độ	2,6	17,8
Các nước còn lại	31,9	50,2

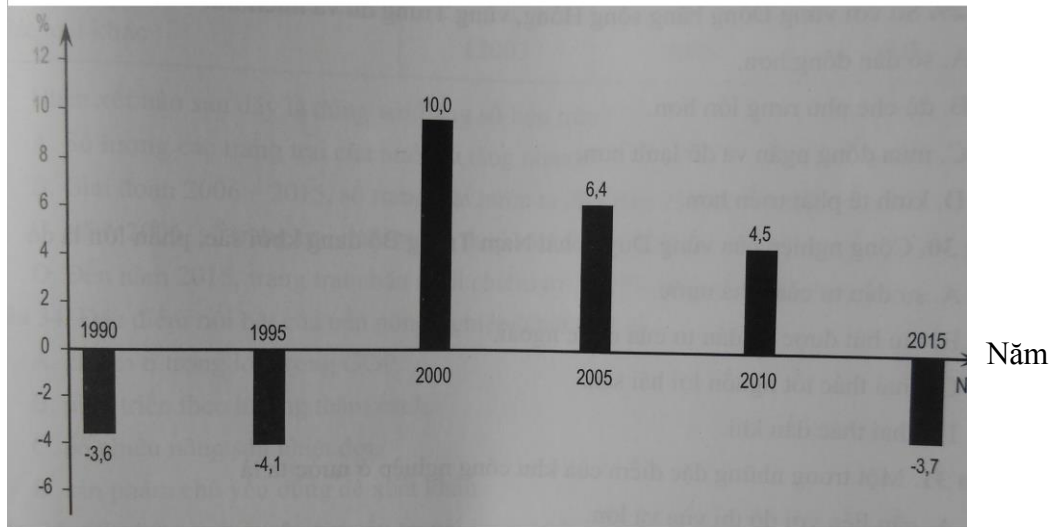
Biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện tỉ trọng GDP, số dân của EU và một số nước khác so với thế giới năm 2014 là

- A. biểu đồ cột.
- B. biểu đồ tròn.
- C. biểu đồ đường.
- D. biểu đồ miền.

104. Nước ta có Tín phong hoạt động là do có vị trí

- A. thuộc châu Á.
- B. thuộc nửa cầu Bắc.
- C. nằm trong vùng nội chí tuyến.
- D. nằm ven Biển Đông, phía tây Thái Bình Dương.

105. Cho biểu đồ:



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô GDP của LB Nga qua các năm.
 - B. Tốc độ tăng dân số của LB Nga qua các năm.
 - C. Tốc độ tăng trưởng GDP của LB Nga qua các năm.
 - D. Sản lượng dầu mỏ LB Nga qua các năm.
106. Hằng năm, lãnh thổ nước ta nhận được lượng bức xạ Mặt Trời lớn là do
- A. quanh năm có góc nhập xạ lớn và có hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh.
 - B. phần lớn diện tích nước ta là vùng đồi núi.
 - C. có nhiệt độ cao quanh năm.
 - D. quanh năm trời trong xanh, ít nắng.
107. Thời gian qua, mức gia tăng dân số ở nước ta giảm do
- A. quy mô dân số giảm.
 - B. dân số có xu hướng già hóa.
 - C. kết quả của chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.
 - D. tỉ lệ người trong độ tuổi sinh đẻ giảm.
108. Bước tiến lớn trong nền nông nghiệp nước ta những năm qua là
- A. sự chuyển dịch từ nông nghiệp cổ truyền sang nông nghiệp sản xuất hàng hóa.
 - B. phát triển nền nông nghiệp cổ truyền, quan tâm nhiều đến sản lượng.
 - C. sản xuất nông nghiệp tự cấp, tự túc theo hướng đa canh.
 - D. sản xuất nhỏ, đầu tư hạn chế, ít chú ý đến thị trường.
109. So với vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có
- A. số dân đông hơn.
 - B. độ che phủ rừng lớn hơn.
 - C. mùa đông ngắn và đỡ lạnh hơn.
 - D. kinh tế phát triển hơn.
110. Công nghiệp của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ đang khởi sắc, phần lớn là do
- A. sự đầu tư của Nhà nước.
 - B. thu hút được sự đầu tư của nước ngoài.
 - C. khai thác tốt nguồn lợi hải sản.

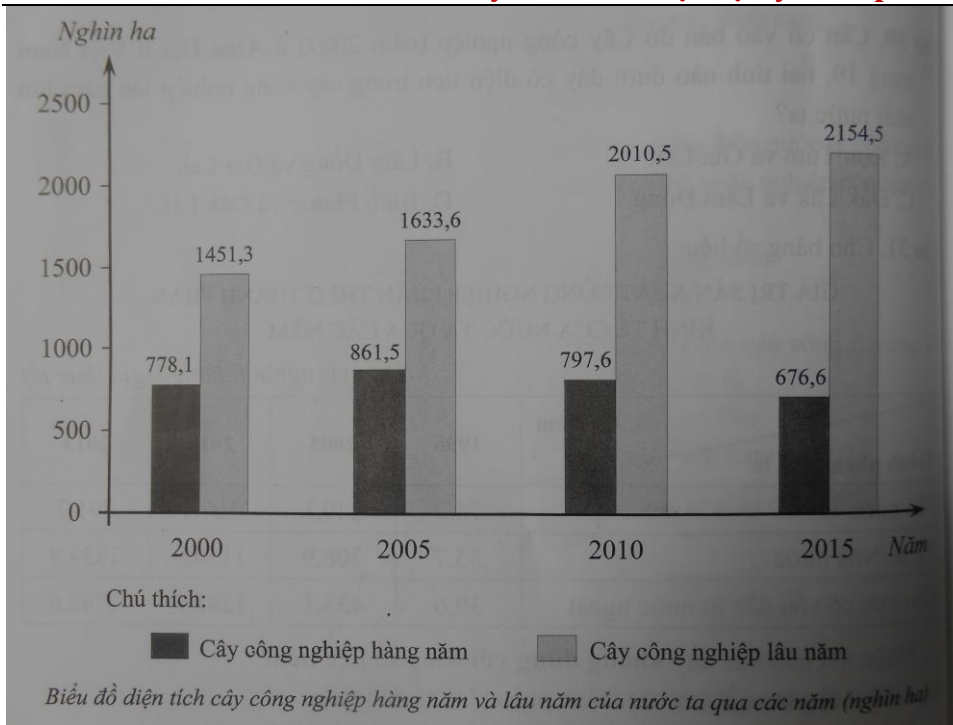
- D. khai thác dầu khí.
111. Một trong những đặc điểm của khu công nghiệp ở nước ta là
- gắn liền với đô thị vừa và lớn.
 - bao gồm nhiều tỉnh và thành phố.
 - C. không có dân cư sinh sống.
 - có nhiều ngành chuyên môn hóa.
112. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, nhận định nào dưới đây **không** chính xác về đặc điểm dân cư ở vùng Bắc Trung Bộ?
- Phân bố dân cư có sự tương phản rõ rệt giữa vùng ven biển phía đông và vùng núi biên giới phía tây.
 - B. Hai đô thị có quy mô dân số lớn nhất vùng là Thanh Hóa và Vinh.
 - Mật độ dân số ở vùng biên giới phía tây chủ yếu ở mức dưới 100 người/km².
 - Các đồng bằng sông Mã, sông Cả là nơi dân cư tập trung đông đúc nhất vùng.
113. Cho bảng số liệu

SỐ LƯỢNG TRANG TRẠI CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: trang trại)

Các loại trang trại \ Năm	2006	2010	2015
<i>Tổng số</i>	113730	145880	29389
Trồng trọt	50817	68278	9178
Chăn nuôi	16708	23558	15068
Nuôi trồng thủy sản	34202	37142	4175
Các loại khác	12003	16902	968

- Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu trên?
- Số lượng các trang trại của nước ta tăng nhanh.
 - Giai đoạn 2006 – 2015, số trang trại nước ta đã giảm 7200 trang trại.
 - Năm 2006, số trang trại nuôi trồng thủy sản chiếm tỉ lệ cao nhất.
 - D. Đến năm 2015, trang trại chăn nuôi chiếm tới 51,3% tổng số trang trại.
114. Đặc điểm nổi bật của nền nông nghiệp Nhật Bản là
- chiếm tỉ trọng lớn trong GDP.
 - B. phát triển theo hướng thâm canh.
 - có nhiều nông sản nhiệt đới.
 - sản phẩm chủ yếu dùng để xuất khẩu.
115. Căn cứ vào biểu đồ Cơ cấu trị giá hàng xuất – nhập khẩu năm 2007 của nước ta ở Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, mặt hàng xuất khẩu có tỉ trọng cao nhất là
- công nghiệp nặng và khoáng sản.
 - nông, lâm sản.
 - C. công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.
 - thủy sản.
116. Cho biểu đồ:



Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây là đúng?

- A. Cây công nghiệp hàng năm có diện tích liên tục tăng.
 - B. Cây công nghiệp lâu năm có diện tích không thay đổi.
 - C. Trong giai đoạn 2000 – 2015, diện tích cây công nghiệp lâu năm tăng 703,2 nghìn ha.
 - D. Trong giai đoạn 2000 – 2015, diện tích cây công nghiệp hàng năm tăng 1,2 lần.
117. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp ở nước ta là làm
- A. giảm chất lượng của sản phẩm nông nghiệp.
 - B. cho sản xuất nông nghiệp mang tính độc canh lúa nước.
 - C. năng suất nông nghiệp thấp.
 - D. tăng tính bất bình của sản xuất nông nghiệp.
118. Do ảnh hưởng của vị trí địa lí, hầu hết các quốc gia Đông Nam Á có điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh
- A. thủy điện.
 - B. lâm nghiệp.
 - C. kinh tế biển.
 - D. chăn nuôi.
119. Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm trở thành ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta vì
- A. đòi hỏi ít lao động.
 - B. có giá trị sản xuất lớn.
 - C. có công nghệ sản xuất hiện đại.
 - D. có lợi thế lâu dài (nguyên liệu, lao động, thị trường).
120. biểu hiện của biến đổi khí hậu thể hiện rõ nhất ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là
- A. nhiệt độ trung bình năm đã giảm.
 - B. xâm nhập mặn vào sâu trong đất liền.

- C. mùa khô không rõ rệt.
- D. nguồn nước ngầm hạ thấp hơn.

.....

ĐỀ 4

- 121. Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập vào năm
 - A. 1967.
 - B. 1984.
 - C. 1995.
 - D. 1997.
- 122. Vùng núi Trường Sơn Nam có vị trí
 - A. nằm ở phía đông của thung lũng sông Hồng.
 - B. nằm giữa sông Hồng và sông Cả.
 - C. nằm từ phía nam sông Cả tới dãy Bạch Mã.
 - D. nằm ở phía nam dãy Bạch Mã.
- 123. Trong cơ cấu lao động có việc làm ở nước ta phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật, thành phần chiếm tỉ trọng cao nhất là
 - A. có chứng chỉ sơ cấp.
 - B. trung cấp chuyên nghiệp.
 - C. cao đẳng, đại học, trên đại học.
 - D. chưa qua đào tạo.
- 124. Một trong những đặc điểm của nền nông nghiệp hàng hóa ở nước ta là
 - A. sản xuất nhỏ, công cụ thủ công.
 - B. đẩy mạnh thâm canh, chuyên môn hóa.
 - C. sử dụng nhiều sức người, năng suất lao động thấp.
 - D. phần lớn sản phẩm để tiêu dùng tại chỗ.
- 125. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ diễn ra trên thế giới từ nửa cuối thế kỷ XX đến đầu thế kỷ XXI là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ mấy?
 - A. Lần thứ nhất.
 - B. Lần thứ hai.
 - C. Lần thứ ba.
 - D. Lần thứ tư.
- 126. Nhân tố nào **không** phải là điều kiện thuận lợi để nước ta phát triển tổng hợp kinh tế biển?
 - A. Vùng biển nước ta là nơi hình thành các cơn bão nhiệt đới.
 - B. Vùng biển nước ta rộng, nước biển ấm, nguồn lợi sinh vật biển phong phú.
 - C. Vùng biển nước ta có nhiều sa khoáng, thềm lục địa có dầu khí.
 - D. Vùng biển nước ta có nhiều vũng vịnh kín, thuận lợi cho xây dựng hải cảng, nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp.
- 127. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 4 – 5, tỉnh ở Tây Nguyên **không** giáp với Lào hoặc Campuchia là
 - A. Kon Tum.
 - B. Đắk Lắk.
 - C. Gia Lai.
 - D. Lâm Đồng.

128. Nước ta có lượng mưa lớn, trung bình 1500 – 2000mm/năm, nguyên nhân chính là do
- A. Tín phong mang mưa tới.
 - B. nhiệt độ cao nên lượng bốc hơi lớn.
 - C. các khối không khí qua biển mang ẩm vào đất liền.
 - D. địa hình cao đón gió gây mưa.
129. Hai trung tâm dịch vụ lớn nhất của LB Nga là
- A. Mát-xcơ-va và Nô-vô-xi-biéc.
 - B. Mát-xcơ-va và Xanh Pê-téc-bua.
 - C. Xanh Pê-téc-bua và Vla-đi-vô-xtốc.
 - D. Xanh Pê-téc-bua và Ê-ca-tê-rin-bua.
130. Thiên nhiên nước ta **không** có đai cao nào dưới đây?
- A. Đai xích đạo gió mùa.
 - B. Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi.
 - C. Đai nhiệt đới gió mùa.
 - D. Đai ôn đới gió mùa trên núi.
131. Khí tự nhiên đang được khai thác ở nước ta nhằm mục đích chính là
- A. làm nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện.
 - B. xuất khẩu để thu ngoại tệ.
 - C. làm nguyên liệu để sản xuất phân đạm.
 - D. tiêu dùng trong gia đình.
132. Nguồn nước ngọt ở nhiều nơi trên thế giới bị ô nhiễm nghiêm trọng, chủ yếu là do
- A. chất thải xây dựng và quy hoạch không hợp lí.
 - B. chất thải nông nghiệp và chất thải sinh hoạt không được xử lí.
 - C. chất thải công nghiệp và chất thải sinh hoạt không được xử lí.
 - D. hoạt động giao thông vận tải trên sông, hồ.
133. Thế mạnh nổi bật nhất của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc là
- A. vị trí địa lí thuận lợi.
 - B. nguồn lao động đông, chất lượng cao.
 - C. lịch sử khai thác lâu đời.
 - D. giàu khoáng sản.
134. Nhật Bản là quốc gia
- A. giàu tài nguyên khoáng sản.
 - B. có trữ lượng lớn về dầu mỏ và khí đốt.
 - C. nghèo tài nguyên khoáng sản.
 - D. không có khoáng sản kim loại.
135. Vấn đề cần giải quyết khi khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong nông nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ là
- A. thủy lợi.
 - B. thị trường.
 - C. lao động.
 - D. vốn.
136. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, lưu vực sông có diện tích lớn nhất ở vùng Bắc Trung Bộ là
- A. sông Mã.

- B. sông Cả.
- C. sông Gianh.
- D. sông Bến Hải.

137. Lĩnh vực kinh tế chiếm tỉ trọng ngày càng lớn trong hoạt động đầu tư nước ngoài của thế giới là

- A. nông nghiệp.
- B. công nghiệp.
- C. xây dựng.
- D. dịch vụ.

138. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, phần lớn diện tích vùng Tây Nguyên có mật độ dân số (năm 2007) ở mức

- A. dưới 100 người/km².
- B. từ 101 – 200 người/km².
- C. từ 201 – 500 người/km².
- D. trên 500 người/km².

139. Cho bảng số liệu

SỐ DÂN Ô-XTRÂY-LI-A QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: triệu người)

Năm	1850	1900	1920	1939	1985	1990	2000	2010	2015
Số dân	1,2	4,7	4,5	6,9	15,8	16,1	19,2	22,2	23,9

Nhận xét nào sau đây là đúng về số dân Ô-xtrây-li-a?

- A. Là nước có quy mô số dân đông hàng đầu thế giới.
- B. Số dân đã tăng hơn 4 lần trong thế kỷ 20.
- C. Số dân tăng liên tục qua các năm.
- D. Số dân đã tăng thêm hơn 4 triệu người trong thập niên cuối của thế kỷ 20.

140. Kim ngạch nhập khẩu của nước ta trong những năm gần đây tăng khá mạnh chủ yếu là do

- A. dân số đông, nhu cầu tiêu dùng cao, trong khi sản xuất chưa phát triển.
- B. kinh tế nước ta phát triển chậm chưa đáp ứng nhu cầu trong nước.
- C. sự phục hồi và phát triển của sản xuất và tiêu dùng, đáp ứng yêu cầu xuất khẩu.
- D. phần lớn dân cư chỉ dùng hàng ngoại nhập, không dùng hàng trong nước.

141. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, ngành công nghiệp nào sau đây **không** có trong cơ cấu ngành của trung tâm công nghiệp Hải Phòng?

- A. Chế biến nông sản.
- B. Đóng tàu.
- C. Sản xuất vật liệu xây dựng.
- D. Luyện kim màu.

142. Bình quân lương thực theo đầu người của vùng Đồng bằng sông Hồng vẫn thấp hơn một số vùng khác là do

- A. sản lượng lương thực thấp.
- B. sức ép quá lớn của dân số.
- C. điều kiện sản xuất lương thực khó khăn.
- D. năng suất cây lương thực thấp.

143. Cho bảng số liệu

SỐ LƯỢNG VÀ CƠ CẤU SỬ DỤNG LAO ĐỘNG PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ CỦA NƯỚC TA NĂM 2005 VÀ NĂM 2015

Năm	Số lao động đang làm việc (triệu người)	Cơ cấu (%)		
		Nông – lâm – ngư nghiệp	Công nghiệp – xây dựng	Dịch vụ
2005	42,8	57,3	18,2	24,5
2015	54,0	44,0	22,8	33,2

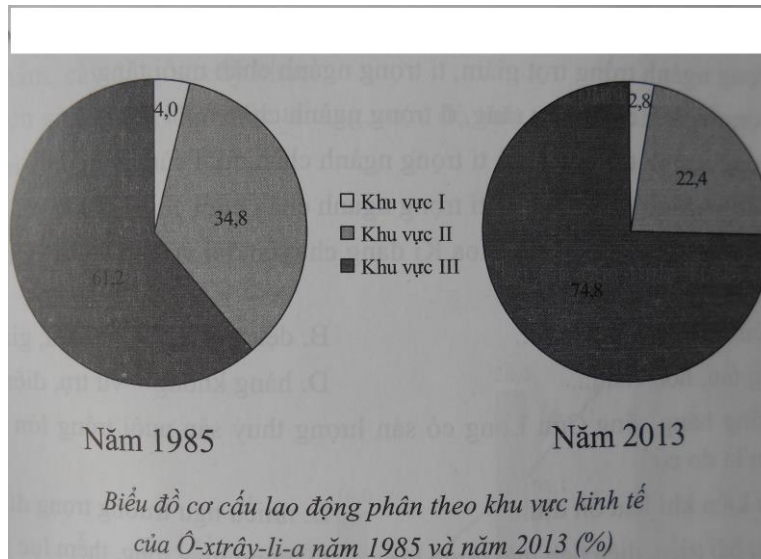
Biểu đồ nào thích hợp nhất vừa thể hiện được quy mô lực lượng lao động vừa thể hiện được cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế của nước ta năm 2005 và năm 2015?

- A. Biểu đồ tròn, bán kính khác nhau.
- B. Biểu đồ tròn, bán kính bằng nhau.
- C. Biểu đồ cột.
- D. Biểu đồ miền.

144. Tuyến đường sắt dài nhất nước ta là

- A. Hà Nội – Hải Phòng.
- B. Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh.
- C. Hà Nội – Thái Nguyên.
- D. Hà Nội – Lào Cai.

145. Cho biểu đồ:



Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây là đúng về cơ cấu lao động của Ô-xtrây-li-a.

- A. Tỷ trọng lao động của các khu vực là cân bằng.
- B. Lao động tập trung chủ yếu ở khu vực II và có xu hướng tăng.
- C. Lao động tập trung chủ yếu ở khu vực III và có xu hướng tăng.
- D. Lao động khu vực I có tỷ trọng thấp nhất và không thay đổi.

146. Nguồn than khai thác của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu

- A. phục vụ cho nhu cầu đời sống của nhân dân trong vùng.
- B. làm phụ gia cho công nghiệp hóa chất.
- C. phục vụ cho ngành luyện kim.
- D. làm nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện và xuất khẩu.

147. Ở Trung Bộ, nguyên nhân gây ngập lụt mạnh vào các tháng IX – X là do

- A. các hệ thống sông lớn, lưu vực rộng.
- B. mưa lớn kết hợp với triều cường.

- C. mưa bão lớn, nước biển dâng và lũ nguồn về.
 D. mưa diện rộng, mặt đất thấp xung quanh lại có đê bao bọc.
148. Để giảm bớt tình trạng di dân tự do vào các đô thị, giải pháp chủ yếu và lâu dài là
 A. phát triển và mở rộng mạng lưới đô thị.
 B. giảm tỉ suất gia tăng dân số ở nông thôn.
 C. kiểm soát việc nhập hộ khẩu của dân nông thôn về thành phố.
 D. xây dựng nông thôn mới, đa dạng hóa hoạt động kinh tế ở nông thôn.
149. Trong những năm qua, nội bộ ngành nông nghiệp của nước ta có sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng
 A. tỉ trọng ngành trồng trọt giảm, tỉ trọng ngành chăn nuôi tăng.
 B. tỉ trọng ngành trồng trọt tăng, tỉ trọng ngành chăn nuôi giảm.
 C. tỉ trọng ngành trồng trọt và tỉ trọng ngành chăn nuôi tăng.
 D. tỉ trọng ngành trồng trọt và tỉ trọng ngành chăn nuôi giảm.
150. Cơ cấu công nghiệp của Hoa Kỳ đang chuyển đổi với xu hướng tăng tỉ trọng của các ngành
 A. luyện kim, chế tạo ô tô,...
 B. dệt, gia công đồ nhựa, giấy,...
 C. đóng tàu, hóa chất,...
 D. hàng không – vũ trụ, điện tử,...
151. Đồng bằng sông Cửu Long có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn nhất cả nước chủ yếu là do có
 A. điều kiện khí hậu ổn định.
 B. nhiều ngư trường trọng điểm.
 C. nhiều bãi biển, diện tích mặt nước lớn.
 D. vùng biển rộng, thềm lục địa nông.
152. Ý nào sau đây **không** đúng khi nói về dân số và lao động của vùng Đồng bằng sông Hồng?
 A. Là vùng đông dân nhất nước ta.
 B. Có nguồn lao động dồi dào.
 C. Nguồn lao động có kinh nghiệm và trình độ sản xuất.
 D. Phần lớn dân số sống ở thành thị.
153. Căn cứ vào bản đồ Lâm nghiệp (năm 2007) ở Atlas Địa lý Việt Nam trang 20, hai tỉnh có giá trị sản xuất lâm nghiệp cao nhất nước ta là
 A. Bắc Giang, Thanh Hóa.
 B. Nghệ An, Sơn La.
 C. Nghệ An, Lạng Sơn.
 D. Thanh Hóa, Phú Thọ.
154. Cho bảng số liệu

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG PHÂN THEO NHÓM CÂY CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

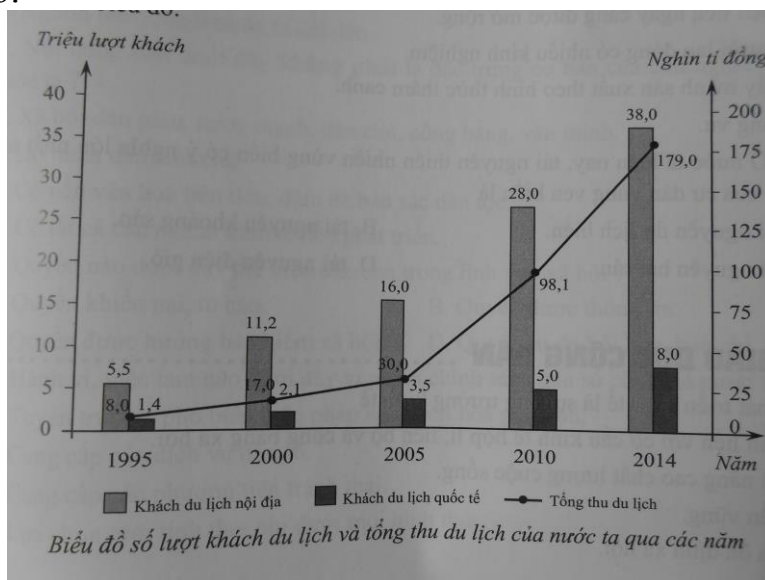
(Đơn vị: nghìn ha)

Các nhóm cây \ Năm	1990	2000	2010	2015
Tổng số	9040,0	12644,3	14061,1	14919,6
Cây lương thực	6474,6	8399,1	8615,9	8996,3
Cây công nghiệp	1199,3	2229,4	2808,1	2831,1
Cây thực phẩm, cây ăn quả, cây khác	1366,1	2015,8	2637,1	3092,2

Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu trên?

- A. Diện tích gieo trồng của nước ta tăng, diện tích tăng nhiều nhất là của nhóm cây lương thực.
- B. Diện tích gieo trồng của nước ta tăng, diện tích tăng nhiều nhất là của nhóm cây công nghiệp.
- C. Diện tích gieo trồng của nước ta tăng, diện tích tăng nhiều nhất là của nhóm cây thực phẩm, cây ăn quả, cây khác.
- D. Diện tích gieo trồng của nước ta tăng, mức độ tăng của các nhóm bằng nhau.

155. Cho biểu đồ:



Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây là đúng?

- A. Khách du lịch nội địa tăng, chứng tỏ chất lượng cuộc sống đang được nâng lên.
- B. Số lượng khách quốc tế đến nước ta giảm mạnh.
- C. Tổng thu du lịch của nước ta là do khách du lịch nội địa mang lại.
- D. Từ năm 1995 đến năm 2014, tổng thu du lịch của nước ta tăng gấp 30 lần.

156. Trong chế độ khí hậu, giữa Tây Nguyên và đồng bằng ven biển Trung Trung Bộ có sự đối lập về

- A. hướng gió.
- B. mùa mưa và mùa khô.
- C. mùa nóng và mùa lạnh.
- D. tất cả đều đúng.

157. Tình trạng nhập siêu trong cán cân xuất nhập khẩu của nước ta giai đoạn 1995 – 2010 chủ yếu là do

- A. nền kinh tế đang trong giai đoạn đầu tư, đổi mới, tăng năng lực sản xuất.
- B. nền kinh tế phát triển chậm, mặt hàng xuất khẩu ít và chất lượng kém, chủ yếu là hàng thô.
- C. dân số đông, nhu cầu nhập khẩu hàng tiêu dùng rất lớn.
- D. tài nguyên thiên nhiên hạn chế, thiếu nguồn nguyên nhiên liệu cho sản xuất.

158. Đồng tiền chung của Liên minh châu Âu có tên là

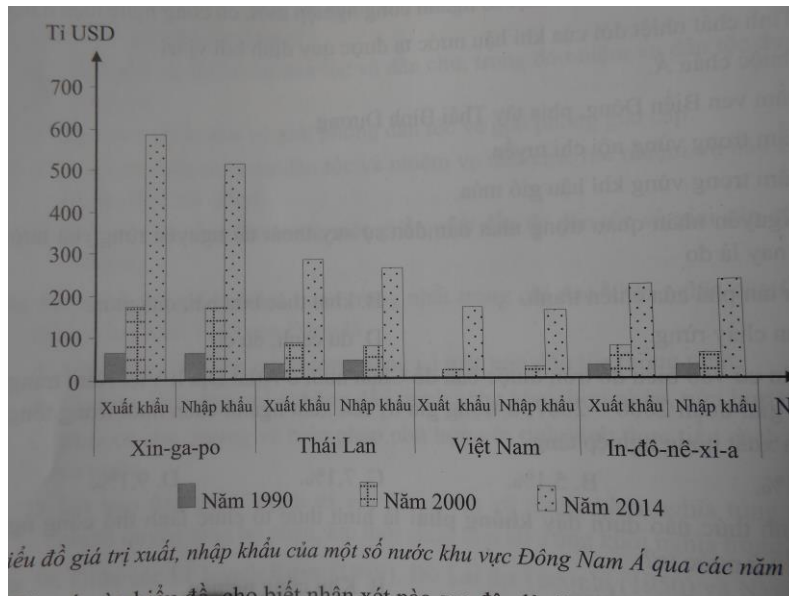
- A. Frăng.
- B. Ru-pi.
- C. Ô-rô.
- D. Pê-sô.

159. Năng suất lúa của vùng Đồng bằng sông Hồng cao nhất nước ta là do
- A. diện tích ngày càng được mở rộng.
 - B. người lao động có nhiều kinh nghiệm.
 - C. đẩy mạnh sản xuất theo hình thức thâm canh.
 - D. tăng vụ.
160. Ở nước ta hiện nay, tài nguyên thiên nhiên vùng biển có ý nghĩa lớn nhất tới đời sống của cư dân vùng ven biển là
- A. tài nguyên du lịch biển.
 - B. tài nguyên khoáng sản.
 - C. tài nguyên hải sản.
 - D. tài nguyên điện gió.
-

ĐỀ 5

161. Các nước công nghiệp mới (NICs) có đặc điểm là
- A. có trình độ phát triển kinh tế - xã hội rất cao.
 - B. đã trải qua quá trình công nghiệp hóa, trình độ phát triển công nghiệp khá cao.
 - C. mới tiến hành công nghiệp hóa, trình độ phát triển công nghiệp chưa cao.
 - D. chỉ tập trung phát triển một số ngành công nghiệp mới, có công nghệ hiện đại.
162. Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi vị trí
- A. thuộc châu Á.
 - B. nằm ven Biển Đông, phía tây Thái Bình Dương.
 - C. nằm trong vùng nội chí tuyến.
 - D. nằm trong vùng khí hậu gió mùa.
163. Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến sự suy thoái tài nguyên rừng của nước ta hiện nay là do
- A. sự tàn phá của chiến tranh.
 - B. khai thác bừa bãi, quá mức.
 - C. nạn cháy rừng.
 - D. du canh, du cư.
164. Căn cứ vào biểu đồ thuộc bản đồ Chăn nuôi ở Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, trong giai đoạn 2000 – 2007, tỉ trọng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp tăng
- A. 3,1%.
 - B. 5,1%.
 - C. 7,1%.
 - D. 9,1%.
165. Hình thức nào dưới đây **không** phải là hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp chủ yếu ở nước ta?
- A. Xí nghiệp công nghiệp.
 - B. Khu công nghiệp.
 - C. Điểm công nghiệp.
 - D. Trung tâm công nghiệp.
166. Loại đất ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long phân bố ven biển là
- A. đất phèn.
 - B. đất mặn.

- C. đất cát.
D. đất phù sa ngọt.
167. Thiên nhiên phần lãnh thổ phía Nam (từ dãy Bạch Mã trở vào) đặc trưng cho vùng khí hậu
A. nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.
B. cận xích đạo gió mùa.
C. cận nhiệt đới hải dương.
D. nhiệt đới lục địa khô.
168. Một số thương hiệu nổi tiếng Nhật Bản là
A. Toyota, Sony, Apple.
B. Honda, Hitachi, Samsung.
C. Toyota, Sony, Nokia.
D. Honda, Sony, Hitachi.
169. Nhận định nào dưới đây **không** đúng với đặc điểm lao động ở nước ta?
A. Nguồn lao động dồi dào, tăng nhanh.
B. Đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề còn thiếu nhiều.
C. Chất lượng lao động ngày càng được nâng lên.
D. Lực lượng lao động có trình độ cao chiếm tỉ trọng lớn.
170. Cho biểu đồ:



- Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây là đúng?
A. Xin-ga-po có giá trị nhập khẩu luôn lớn hơn xuất khẩu.
B. Việt Nam có giá trị xuất khẩu nhỏ nhưng lại có tốc độ tăng trưởng cao nhất.
C. Thái Lan có cán cân xuất, nhập khẩu cân bằng.
D. In-đô-nê-xi-a luôn ở trong tình trạng nhập siêu.
171. Ở nước ta, cây công nghiệp lâu năm được trồng chủ yếu ở miền núi và trung du là do khu vực này có
A. địa hình, đất đai phù hợp.
B. cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện đại.
C. nguồn lao động dồi dào, kỹ thuật cao.
D. thị trường tiêu thụ lớn, ổn định.
172. Các nước Đông Nam Á nổi tiếng về ngành khai thác dầu khí là
A. Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam.

- B. Xin-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Lào.
C. Bru-nây, Ma-lai-xi-a, Thái Lan.
D. Mi-an-ma, Thái Lan, Cam-pu-chia.
173. Các thị trường xuất khẩu lớn nhất của nước ta những năm gần đây là
A. Nga, Trung Quốc, Hàn Quốc.
B. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc.
C. Hàn Quốc, Thái Lan, Nhật Bản.
D. Thái Lan, Lào, Cam-pu-chia.
174. Tây Nguyên có vị trí đặc biệt về mặt quốc phòng vì
A. có biên giới kéo dài với Lào và Campuchia.
B. giáp với vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. rất gần với TP. Hồ Chí Minh.
D. có nhiều rừng núi.
175. Đồng bằng sông Cửu Long bao gồm hai bộ phận là
A. vùng thượng châu thổ và vùng hạ châu thổ.
B. vùng chịu tác động trực tiếp của sông Tiền, sông Hậu và vùng nằm ngoài phạm vi tác động đó.
C. vùng cao không ngập nước và vùng trũng ngập nước.
D. vùng chịu ảnh hưởng của thủy triều và vùng không chịu ảnh hưởng của thủy triều.
176. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, các tỉnh ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long không giáp biển là
A. Bến Tre, Trà Vinh.
B. Hậu Giang, Vĩnh Long.
C. Sóc Trăng, Bạc Liêu.
D. Cà Mau, Kiên Giang.
177. Mục đích nào dưới đây không phải của Liên minh châu Âu?
A. Đồng nhất về thể chế chính trị.
B. Liên minh trong các lĩnh vực kinh tế.
C. Liên kết trong các chính sách đối ngoại và an ninh chung.
D. Hợp tác về tư pháp và nội vụ.
178. Hoạt động nào sau đây thuộc về lâm nghiệp?
A. Mở rộng diện tích trồng chè.
B. Vận chuyển gỗ đã qua chế biến.
C. Xuất khẩu đồ gỗ mỹ nghệ.
D. Khai thác, chế biến gỗ và lâm sản.
179. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, số lượng đô thị loại đặc biệt (năm 2007) ở nước ta là
A. 2.
B. 3.
C. 4.
D. 5.
180. Già hóa dân số chủ yếu diễn ra ở các nước phát triển, do nguyên nhân
A. đặc điểm chủng tộc.
B. điều kiện tự nhiên không thuận lợi.
C. thu nhập của dân cư ngày càng sụt giảm.

D. tâm lý xã hội, tuổi thọ tăng,...

181. Ranh giới giữa vùng núi Trường Sơn Bắc và vùng núi Trường Sơn Nam là

A. dãy Hoàng Liên Sơn.

B. dãy Pu Sam Sao.

C. dãy Hoàng Sơn.

D. dãy Bạch Mã.

182. Cho bảng số liệu

TỐC ĐỘ TĂNG GDP CỦA NHẬT BẢN QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: %)

Năm	1900	1995	2000	2005	2010	2015
Tốc độ tăng GDP	5,1	1,5	2,3	2,5	4,7	0,5

Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu trên?

A. Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản luôn giữ ổn định.

B. Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản ở mức cao hàng đầu thế giới.

C. Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản không ổn định.

D. Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản có xu hướng giảm nhanh.

183. Công nghiệp năng lượng nước ta bao gồm hai phân ngành là

A. thủy điện và nhiệt điện.

B. khai thác than và sản xuất điện.

C. thủy điện và khai thác nguyên, nhiên liệu.

D. khai thác nguyên, nhiên liệu và sản xuất điện.

184. Việc xác định chủ quyền của nước ta đối với các đảo và quần đảo có ý nghĩa rất lớn chủ yếu do

A. các đảo và quần đảo nước ta có tiềm năng kinh tế rất lớn.

B. đây là cơ sở để khẳng định chủ quyền của nước ta với vùng biển và thềm lục địa.

C. các đảo và quần đảo đều nằm xa với đất liền.

D. các đảo và quần đảo là bộ phận không thể tách rời trong vùng biển nước ta.

185. Cho bảng số liệu

NĂNG SUẤT LÚA CỦA VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG, ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ CẢ NƯỚC QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: tạ/ha)

Năm	1995	2000	2010	2015
Vùng				
Cả nước	36,9	42,4	53,4	57,6
Đồng bằng sông Hồng	44,4	55,2	59,7	60,6
Đồng bằng sông Cửu Long	40,2	42,3	54,7	59,5

Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu trên?

A. Đồng bằng sông Hồng có năng suất lúa cao hơn của cả nước và thấp hơn Đồng bằng sông Cửu Long.

B. Năng suất lúa của cả nước, Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long tăng bằng nhau.

C. Năng suất lúa của Đồng bằng sông Cửu Long tăng mạnh hơn cả nước Đồng bằng sông Hồng.

D. Năng suất lúa của Đồng bằng sông Hồng tăng mạnh hơn cả nước.

186. Ở nhiều đồng bằng ven biển miền Trung thường có sự phân chia thành ba dải, lần lượt từ biển vào là

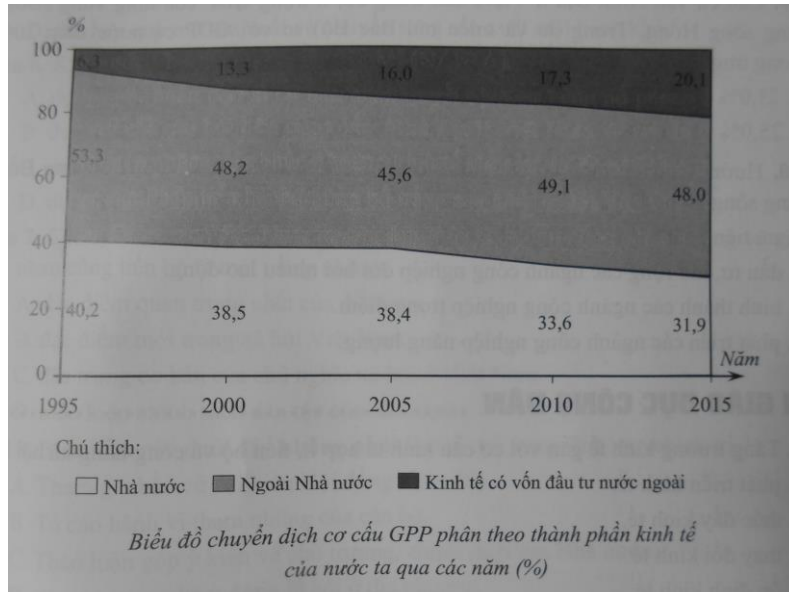
- A. vùng thấp trũng; cồn cát, đầm phá; đồng bằng.
B. cồn cát, đầm phá; đồng bằng; vùng thấp trũng.
C. cồn cát, đầm phá; vùng thấp trũng; đồng bằng.
D. đồng bằng; cồn cát, đầm phá; vùng thấp trũng.
187. Để giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của đô thị hóa, cần
A. hạn chế dòng di dân từ nông thôn vào đô thị.
B. ngăn chặn lối sống cư dân nông thôn nhích gần lối sống thành thị.
C. giảm bớt tốc độ đô thị hóa.
D. tiến hành đô thị hóa xuất phát từ công nghiệp hóa.
188. Trong nghề cá, Duyên hải Nam Trung Bộ có ưu thế hơn vùng Bắc Trung Bộ là do
A. có các ngư trường rộng, đặc biệt là hai ngư trường xa bờ.
B. tất cả các tỉnh đều giáp biển.
C. bờ biển có các vũng vịnh, đầm phá.
D. có các dòng biển gần bờ.
189. Để tăng sản lượng lương thực ở nước ta, biện pháp quan trọng nhất là
A. đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất.
B. mở rộng diện tích đất trồng cây lương thực.
C. đẩy mạnh khai hoang, phục hóa ở miền núi.
D. kêu gọi đầu tư nước ngoài vào sản xuất nông nghiệp.
190. Ý nào **không** đúng trong việc phát huy các thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?
A. Góp phần thúc đẩy nhanh sự phát triển kinh tế của vùng.
B. Nâng cao đời sống của đồng bào dân tộc, thay đổi tập quán sản xuất, thu hút lực lượng lao động.
C. Bảo vệ an ninh quốc phòng vùng biên giới.
D. Ngăn chặn được các thiên tai đến với vùng.
191. Đồng bằng châu thổ sông ở nước ta đều được thành tạo và phát triển do phù sa sông bồi tụ dần trên cơ sở
A. vịnh biển nông, thềm lục địa mở rộng.
B. vịnh biển nông, thềm lục địa hẹp.
C. vịnh biển sâu, thềm lục địa mở rộng.
D. vịnh biển sâu, thềm lục địa hẹp.
192. Căn cứ vào bản đồ Chăn nuôi ở Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, hai tỉnh có số lượng trâu và bò (năm 2007) lớn nhất nước ta là
A. Quảng Ngãi, Thanh Hóa.
B. Thanh Hóa, Bình Định.
C. Thanh Hóa, Nghệ An.
D. Nghệ An, Quảng Nam.
193. Cho bảng số liệu

SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

Năm	1990	1995	2000	2010	2015
Tiêu chí					
Số dân thành thị (nghìn người)	12880,3	14938,1	18771,9	26515,9	31067,5
Tỉ lệ dân thành thị (%)	19,5	20,8	24,2	30,5	33,9

Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu trên?

- A. Số dân thành thị và tỉ lệ dân số thành thị của nước ta tăng.
B. Tỉ lệ dân số thành thị của nước ta cao so với nhiều nước trong khu vực.
C. Số dân thành thị giảm, tỉ lệ dân thành thị của nước ta tăng.
D. Số dân thành thị tăng, tỉ lệ dân thành thị của nước ta **không tăng**.
194. Khi mở rộng các vùng chuyên canh cây công nghiệp ở Tây Nguyên, điều quan tâm nhất là
A. không làm thu hẹp diện tích rừng.
B. đầu tư các nhà máy chế biến.
C. xây dựng mạng lưới giao thông.
D. tăng cường hợp tác với nước ngoài.
195. Cho biểu đồ:



- Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây là đúng?
A. Tỉ trọng của khu vực kinh tế Nhà nước có xu hướng tăng.
B. Tỉ trọng của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài liên tục tăng.
C. Tỉ trọng của khu vực ngoài Nhà nước liên tục giảm.
D. Tỉ trọng đóng góp của các thành phần kinh tế trong GDP không thay đổi.
196. Thế mạnh của khu vực đồi núi đối với sản xuất nông nghiệp là
A. chuyên canh cây công nghiệp, cây lương thực, chăn nuôi gia cầm.
B. chuyên canh cây ăn quả, cây lương thực, chăn nuôi gia súc nhỏ.
C. chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc lớn.
D. chuyên canh cây lương thực, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc nhỏ.
197. Lương thực là mối quan tâm thường xuyên của Nhà nước ta vì
A. điều kiện tự nhiên của nước ta ít phù hợp với sản xuất lương thực.
B. nhằm đáp ứng nhu cầu của đời sống, sản xuất và xuất khẩu.
C. do thiếu lao động trong sản xuất lương thực.
D. do phần lớn diện tích nước ta là đồng bằng.
198. Phần lớn diện tích bộ phận Đông Nam Á lục địa có khí hậu
A. ôn đới.
B. cận nhiệt đới.
C. xích đạo.
D. nhiệt đới gió mùa.

199. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, tỉ trọng GDP của từng vùng (Đồng bằng sông Hồng, Trung du và miền núi Bắc Bộ) so với GDP cả nước năm 2007 tương ứng là
- A. 23,0% và 8,1%.
 - B. 24,0% và 9,2%.
 - C. 25,0% và 10,2%.
 - D. 26,0% và 11,2%.
200. Hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành trong khu vực II ở vùng Đồng bằng sông Hồng là
- A. ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.
 - B. đầu tư, mở rộng các ngành công nghiệp đòi hỏi nhiều lao động.
 - C. hình thành các ngành công nghiệp trọng điểm.
 - D. phát triển các ngành công nghiệp năng lượng.
-

ĐỀ 6

201. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ (cách mạng công nghiệp lần thứ ba) có đặc trưng là sự xuất hiện và phát triển nhanh chóng của
- A. máy hơi nước.
 - B. động cơ điện.
 - C. công nghệ cao.
 - D. trí tuệ nhân tạo.
202. Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Nam (từ dãy Bạch Mã trở vào) là
- A. đới rừng cận xích đạo gió mùa.
 - B. đới rừng xích đạo.
 - C. đới rừng nhiệt đới gió mùa.
 - D. đới rừng lá kim.
203. Một trong những biểu hiện về sự khai thác ngày càng có hiệu quả nền nông nghiệp nhiệt đới ở nước ta là
- A. Nhà nước bắt đầu có các chính sách quan tâm đến nông nghiệp, nông thôn.
 - B. cơ cấu mùa vụ có những thay đổi quan trọng, với các giống cây ngắn ngày, chịu được sâu bệnh, có thể thu hoạch trước mùa bão, lụt hay hạn hán.
 - C. các sản phẩm nông nghiệp đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiêu dùng tại chỗ của người dân.
 - D. giá trị sản xuất nông nghiệp ngày càng chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GDP.
204. Dãy núi góp phần tạo ra sự phân hóa đông – tây của khí hậu vùng Bắc Trung Bộ là
- A. Trường Sơn Bắc.
 - B. Bạch Mã.
 - C. Hoàng Sơn.
 - D. Hoàng Liên Sơn.
205. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, đỉnh núi có độ cao lớn nhất ở vùng núi Trường Sơn Nam là
- A. Kon Ka Kinh.
 - B. Ngọc Linh.

- C. Lang Bian.
D. Bà Đen.
206. Bề mặt Đồng bằng sông Hồng bị chia cắt thành nhiều ô là do
A. có hệ thống kênh mương thủy lợi rất phát triển.
B. con người khai phá từ lâu đời và làm biến đổi mạnh.
C. phù sa sông bồi tụ trên một bề mặt không bằng phẳng.
D. có hệ thống đê ven sông ngăn lũ chia cắt.
207. Chất lượng lao động nước ta ngày càng được nâng lên, chủ yếu do
A. các thành tựu trong phát triển văn hóa, giáo dục, y tế.
B. học hỏi qua quá trình tăng cường xuất khẩu lao động.
C. đời sống vật chất của người lao động tăng.
D. xu hướng tất yếu của quá trình hội nhập quốc tế.
208. Trong những năm gần đây, cán cân ngoại thương của nước ta thay đổi theo hướng cân đối hơn, cụ thể là
A. giá trị nhập khẩu luôn cao hơn giá trị xuất khẩu.
B. tốc độ tăng giá trị xuất khẩu luôn bằng tốc độ tăng giá trị nhập khẩu.
C. tốc độ tăng giá trị xuất khẩu cao hơn tốc độ tăng giá trị nhập khẩu.
D. giá trị xuất khẩu tăng, giá trị nhập khẩu giảm.
209. Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA NHẬT BẢN QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	1990	1995	2000	2010	2015
Xuất khẩu	287,6	443,1	479,2	769,8	624,8
Nhập khẩu	235,4	335,9	379,5	692,4	648,3

- Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản giai đoạn 1990 – 2015 là
A. biểu đồ tròn.
B. biểu đồ miền.
C. biểu đồ cột.
D. biểu đồ đường.
210. Vùng biển tiếp liền với lãnh hải và hợp với lãnh hải thành một vùng biển rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở là
A. vùng tiếp giáp lãnh hải.
B. nội thủy.
C. vùng đặc quyền về kinh tế.
D. lãnh hải.
211. Trong quá trình Đổi mới nền kinh tế nước ta hiện nay, giao thông vận tải có vai trò đặc biệt quan trọng **không** phải vì
A. giúp cho các quá trình sản xuất, các hoạt động xã hội diễn ra liên tục, thuận tiện.
B. sản xuất ra một khối lượng của cải vật chất lớn cho xã hội.
C. tạo mối liên hệ kinh tế - xã hội giữa các địa phương, với thế giới.
D. tăng cường sức mạnh an ninh quốc phòng cho đất nước.
212. Loại khí áp nào nếu tỉ lệ cao trong khí quyển sẽ gây ra hiệu ứng nhà kính, làm cho nhiệt độ Trái Đất tăng lên?
A. Cac-bon đi-ô-xít (CO₂).

- B. Mê-tan (CH_4).
C. A-mô-ni-ac (NH_3).
D. Ni-tơ Ô-xít (N_2O).
213. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hai đô thị có quy mô dân số (năm 2007) lớn nhất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là
A. Thái Nguyên, Việt Trì.
B. Thái Nguyên, Hạ Long.
C. Lạng Sơn, Việt Trì.
D. Việt Trì, Bắc Giang.
214. Khó khăn lớn nhất về khí hậu ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp ở vùng Tây Nguyên là
A. khí hậu diễn biến thất thường.
B. sự phân hóa theo mùa của khí hậu.
C. hiện tượng khô nóng quanh năm.
D. sự phân hóa theo độ cao của khí hậu.
215. Đặc điểm nào **không** đúng với vùng thượng châu thổ của Đồng bằng sông Cửu Long?
A. Là bộ phận tương đối cao nhưng vẫn bị ngập nước vào mùa mưa.
B. Phần lớn bề mặt có những vùng trũng lớn, bị ngập nước vào mùa mưa.
C. Thường xuyên chịu ảnh hưởng của thủy triều và sóng biển.
D. Về mùa khô các vùng trũng này chỉ là những vùng nước tù đứt đoạn.
216. Các tài nguyên bị khai thác mạnh nhất ở châu Phi là
A. tài nguyên đất và tài nguyên khoáng sản.
B. tài nguyên khoáng sản và tài nguyên rừng.
C. tài nguyên đất và tài nguyên rừng.
D. tài nguyên khoáng sản và tài nguyên thủy sản.
217. Vùng kinh tế trọng điểm **không** phải là vùng
A. bao gồm phạm vi của nhiều tỉnh, thành phố.
B. hội tụ đầy đủ các thế mạnh.
C. có ranh giới không thay đổi.
D. có tỉ trọng lớn trong GDP cả nước.
218. Căn cứ vào biểu đồ đường ở Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, tháng đỉnh lũ của các sông Mê Công, sông Hồng và sông Đà Rằng lần lượt là
A. tháng 11, tháng 8, tháng 10.
B. tháng 10, tháng 8, tháng 10.
C. tháng 10, tháng 8, tháng 11.
D. tháng 9, tháng 8, tháng 11.
219. Bão ở Việt Nam có đặc điểm nào dưới đây?
A. Mùa bão chậm dần từ Bắc vào Nam.
B. Bão đổ bộ vào miền Bắc có cường độ yếu hơn bão đổ bộ vào miền Nam.
C. Bão tập trung nhiều nhất vào các tháng V, VI, VII.
D. Trung bình mỗi năm có 8 – 10 cơn bão đổ bộ vào bờ biển nước ta.
220. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, các tỉnh có GDP bình quân tính theo đầu người (năm 2007) ở mức thấp nhất cả nước (dưới 6 triệu đồng) đều phân bố ở
A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
B. Bắc Trung Bộ.

C. Tây Nguyên.

D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

221. Trong thành phần dân cư Hoa Kỳ, hơn 80% dân số có nguồn gốc từ

A. châu Âu.

B. châu Á.

C. châu Phi.

D. Mĩ La tinh.

222. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN THEO NÔNG THÔN VÀ THÀNH THỊ
CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: %)

Năm \ Khu vực	Nông thôn	Thành thị
1996	79,9	20,1
2005	75,0	25,0
2010	73,1	26,9
2015	68,7	31,3

Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu trên?

A. Phần lớn lao động sống ở nông thôn do mức thu nhập cao.

B. Phần lớn lao động sống ở nông thôn nên quỹ thời gian rảnh rỗi còn nhiều.

C. Tỷ lệ lao động ở thành thị của nước ta cao hơn mức bình quân của thế giới.

D. Đô thị hóa của nước ta đang ở mức cao so với thế giới.

223. Xu hướng chuyển dịch trong nội bộ ngành của khu vực I (nông – lâm – ngư nghiệp) của nước ta là

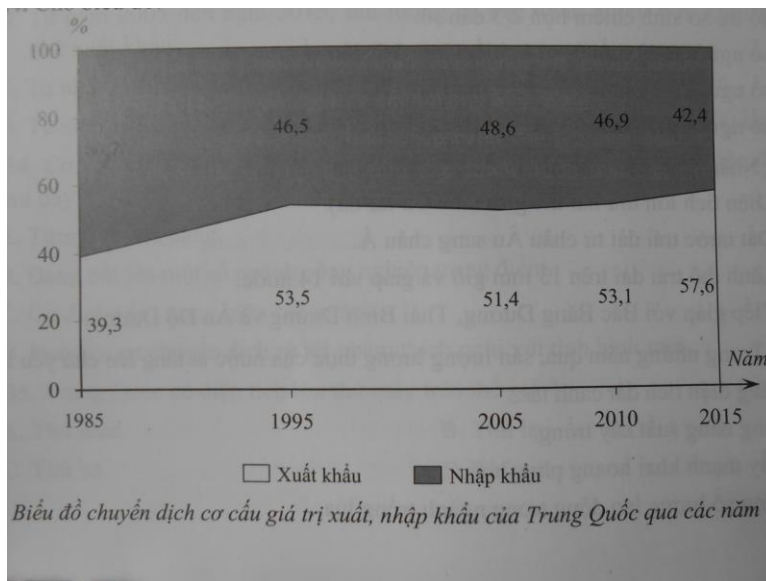
A. tăng tỉ trọng ngành nông nghiệp, giảm tỉ trọng ngành thủy sản.

B. tăng tỉ trọng ngành trồng trọt, giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi.

C. tăng tỉ trọng ngành thủy sản, giảm tỉ trọng ngành nông nghiệp.

D. tỉ trọng ngành dịch vụ nông nghiệp tăng liên tục trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp.

224. Cho biểu đồ:



Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây là đúng?

A. Tỷ trọng giá trị xuất khẩu tăng liên tục.

- B. Tỷ trọng giá trị nhập khẩu giảm liên tục.
C. Tỷ trọng giá trị xuất khẩu nhìn chung có xu hướng tăng lên.
D. Trung Quốc là nước nhập siêu.
225. Loại cây ăn quả đặc trưng của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là
A. mít, xoài, vải.
B. mận, đào, lê.
C. nhãn, chôm chôm, bưởi.
D. cam, quýt, sầu riêng.
226. Hoạt động đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực dịch vụ trên thế giới, nổi lên hàng đầu là hoạt động
A. tài chính, giáo dục, y tế,...
B. ngân hàng, bảo hiểm, hành chính công,...
C. tài chính, ngân hàng, bảo hiểm,...
D. bảo hiểm, giáo dục, y tế,...
227. Đất feralit có màu đỏ vàng do
A. hình thành trên đá mẹ có nhiều chất bazo.
B. nhận được nhiều ánh sáng Mặt Trời.
C. lượng phù sa trong đất lớn.
D. tích tụ nhiều ôxit sắt và ôxit nhôm.
228. Hiện tại, nước ta đang trong giai đoạn “Cơ cấu dân số vàng”, điều đó có nghĩa là
A. số trẻ sơ sinh chiếm hơn 2/3 dân số.
B. số người ở độ tuổi 1 – 14 chiếm hơn 2/3 dân số.
C. số người ở độ tuổi 15 – 59 chiếm hơn 2/3 dân số.
D. số người ở độ tuổi 60 trở lên chiếm hơn 2/3 dân số.
229. Nhận định nào về lãnh thổ LB Nga dưới đây là đúng?
A. Diện tích lớn thứ hai thế giới (sau Ca-na-đa).
B. Đất nước trải dài từ châu Âu sang châu Á.
C. Lãnh thổ trải dài trên 13 múi giờ và giáp với 14 nước.
D. Tiếp giáp với Bắc Băng Dương, Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.
230. Trong những năm qua, sản lượng lương thực của nước ta tăng lên chủ yếu là do
A. tăng diện tích đất canh tác.
B. tăng năng suất cây trồng.
C. đẩy mạnh khai hoang phục hóa.
D. tăng số lượng lao động trong ngành trồng lúa.
231. Vấn đề quan trọng hàng đầu vào mùa khô ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là
A. nước ngọt.
B. phân bón.
C. bảo vệ rừng ngập mặn.
D. cải tạo giống.
232. Căn cứ vào bản đồ Cây công nghiệp (năm 2007) ở Atlas Địa lý Việt Nam trang 19, nhận định nào sau đây **không** đúng về sự phân bố các cây công nghiệp ở nước ta?
A. Các vùng chuyên canh cây công nghiệp ở nước ta có cơ cấu cây trồng đa dạng.
B. Đồng bằng sông Cửu Long chỉ chuyên canh cây công nghiệp hàng năm.
C. Mía và lạc là hai sản phẩm cây công nghiệp chuyên môn hóa ở Bắc Trung Bộ.
D. Tây Nguyên và Đông Nam Bộ là hai vùng trồng cà phê và cao su lớn nhất cả nước.

233. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ VÀ KHỐI LƯỢNG CÀ PHÊ XUẤT KHẨU
CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: nghìn tấn)

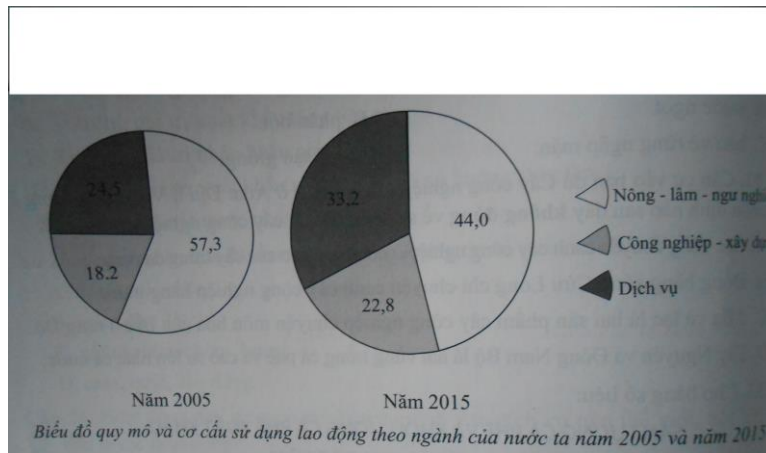
Năm	1980	1990	2000	2005	2010	2015
Sản lượng cà phê (nhân)	8,4	92	802,5	752,1	1105,7	1453,0
Khối lượng xuất khẩu	4,0	89,6	733,9	912,7	1184	1691

Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu trên?

- A. Từ năm 1980 đến năm 2000, sản lượng cà phê nhân ít hơn khối lượng cà phê xuất khẩu.
 B. Từ năm 2005 đến năm 2015, sản lượng cà phê nhân nhiều hơn khối lượng cà phê xuất khẩu.
 C. Từ năm 1980 đến năm 2015, sản lượng cà phê nhân tăng lên 173,0 lần.
 D. Từ năm 1980 đến năm 2015, sản lượng cà phê xuất khẩu tăng lên 500 lần.
234. Cơ cấu công nghiệp theo ngành ở nước ta hiện nay **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Tương đối đa dạng.
 B. Đang nổi lên một số ngành công nghiệp trọng điểm.
 C. Ổn định về tỉ trọng giữa các ngành.
 D. Đang có sự chuyển dịch rõ rệt nhằm thích nghi với tình hình mới.
235. Trung Quốc có diện tích lớn thứ mấy trên thế giới?

- A. Thứ nhất.
 B. thứ hai.
 C. Thứ ba.
 D. Thứ tư.
236. Cho biểu đồ:



Biểu đồ quy mô và cơ cấu sử dụng lao động theo ngành của nước ta năm 2005 và năm 2015 (%)

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây là đúng?

- A. Cơ cấu lao động của nước ta đang có sự chuyển dịch phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa đất nước.

- B. Tổng số lao động của nước ta không thay đổi trong giai đoạn trên.
C. Tỷ lệ lao động khu vực nông – lâm – ngư nghiệp thấp nhất và có xu hướng tăng dần.
D. Cơ cấu lao động theo ngành không có sự thay đổi.
237. Chế độ nước sông theo mùa là do
A. sông ngòi nước ta nhiều nhưng phần lớn là sông nhỏ.
B. sông ngòi nước ta có tổng lượng nước lớn.
C. 60% lượng nước sông ngòi là từ phần lưu vực ngoài lãnh thổ.
D. nhịp điệu dòng chảy của sông theo sát nhịp điệu mưa.
238. Yếu tố đặc biệt quan trọng làm cho các vùng trung du và miền núi của nước ta còn gặp nhiều khó khăn trong phát triển công nghiệp hiện nay là
A. thiếu tài nguyên khoáng sản.
B. vị trí địa lý không thuận lợi.
C. giao thông vận tải kém phát triển.
D. nguồn lao động có trình độ thấp.
239. Phần lãnh thổ của quốc gia ở Đông Nam Á có mùa đông lạnh là
A. Nam Mi-an-ma.
B. Bắc Việt Nam.
C. Bắc Lào.
D. Nam Thái Lan.
240. Biện pháp nào **không** hợp lý khi sử dụng và cải tạo thiên nhiên của Đồng bằng sông Cửu Long?
A. Chia ô nhỏ trong đồng ruộng để thau chua, rửa mặn.
B. Cày sâu, bừa kỹ để nâng cao độ phì cho đất.
C. Trồng các giống lúa mới chịu được đất phèn.
D. Khai thác tối đa các nguồn lợi trong mùa lũ.

.....
ĐỀ 7

241. Một trong những hệ quả của già hóa dân số là
A. làm thay đổi cơ cấu ngành kinh tế.
B. nguy cơ giảm số dân, thiếu lao động.
C. phúc lợi xã hội (giáo dục, y tế,...) giảm.
D. gia tăng thất nghiệp, tệ nạn xã hội,...
242. Ở miền Bắc, đai nhiệt đới gió mùa có độ cao trung bình
A. dưới 500 – 600m.
B. dưới 600 – 700m.
C. dưới 700 – 800m.
D. dưới 800 – 900m.
243. Việc nuôi thủy sản nước lợ và nước mặn đang làm thay đổi cơ cấu kinh tế ở các vùng nông thôn của Bắc Trung Bộ vì
A. tạo ra sản phẩm mang tính hàng hóa.
B. giải quyết được nhiều việc làm.
C. phát huy được thế mạnh ở tất cả các tỉnh.
D. tận dụng được thời gian rảnh rỗi.
244. Ngư trường nào **không** được xác định là ngư trường trọng điểm của nước ta?

- A. Cà Mau – Kiên Giang.
B. Thanh Hóa – Nghệ An.
C. Hải Phòng – Quảng Ninh.
D. Quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.
245. Bốn công nghệ trụ cột của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ (cách mạng công nghiệp lần thứ ba) là
A. công nghệ sinh học, công nghệ cơ giới, công nghệ vật liệu, công nghệ thông tin.
B. công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu, công nghệ năng lượng, công nghệ thông tin.
C. công nghệ điện tử, công nghệ cơ giới, công nghệ vật liệu, công nghệ năng lượng./
D. công nghệ điện tử, công nghệ năng lượng, công nghệ vật liệu, công nghệ thông tin.
246. Công nghiệp rượu, bia, nước ngọt của nước ta thường phân bố chủ yếu ở
A. các đô thị lớn.
B. các tỉnh miền núi.
C. vùng ven biển.
D. vùng nông thôn.
247. “2/3 diện tích đồng bằng là đất mặn, đất phèn” là đặc điểm của
A. đồng bằng sông Hồng.
B. đồng bằng Thanh Hóa.
C. đồng bằng Nghệ An.
D. đồng bằng sông Cửu Long.
248. Căn cứ vào bảng số liệu ở trang 4 -5 của Atlas Địa lí Việt Nam, thành phố trực thuộc Trung ương có số dân lớn nhất nước ta là
A. Hà Nội.
B. Đà Nẵng.
C. Hải Phòng.
D. TP. Hồ Chí Minh.
249. Căn cứ vào biểu đồ GDP và tốc độ tăng trưởng qua các năm ở Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, trong giai đoạn 2000 – 2007, GDP của nước ta tăng gần
A. 1,6 lần.
B. 2,6 lần.
C. 3,6 lần.
D. 4,6 lần.
250. Hình thức tổ chức sản xuất chủ yếu trong nền nông nghiệp Hoa Kỳ là
A. hộ gia đình.
B. hợp tác xã.
C. trang trại.
D. nông trường quốc doanh.
251. Thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc (từ dãy Bạch Mã trở ra) đặc trưng cho vùng khí hậu
A. nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.
B. cận xích đạo gió mùa.
C. cận nhiệt đới hải dương.
D. nhiệt đới lục địa khô.
252. Hạn chế lớn nhất của nguồn lao động nước ta là

- A. trình độ chuyên môn, kỹ thuật chưa cao.
- B. thể lực chưa thật tốt.
- C. thiếu tác phong công nghiệp.
- D. thiếu bền bỉ, dẻo dai.

253. Việc phân chia các trung tâm công nghiệp ở nước ta thành trung tâm có ý nghĩa quốc gia, trung tâm có ý nghĩa vùng, trung tâm có ý nghĩa địa phương là dựa vào

- A. vị trí địa lý của trung tâm công nghiệp.
- B. diện tích của trung tâm công nghiệp.
- C. giá trị sản xuất của trung tâm công nghiệp.
- D. vai trò của trung tâm công nghiệp.

254. Cho bảng số liệu:

**CƠ CẤU DÂN SỐ PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN
CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM**

(Đơn vị: %)

Khu vực Năm	Thành thị	Nông thôn
1990	19,5	80,5
1995	20,8	79,2
2000	24,2	75,8
2005	26,9	73,1
2010	30,5	69,5
2015	33,9	66,1

Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu trên?

- A. Số dân và tỉ lệ dân thành thị ở nước ta không tăng.
- B. Tỉ lệ dân số nông thôn của nước ta giảm đi nhanh chóng.
- C. Số dân nông thôn của nước ta ngày càng giảm.
- D. Sự chênh lệch tỉ lệ dân số giữa nông thôn và thành thị đang thu hẹp.

255. Các trung tâm du lịch lớn nhất ở nước ta xếp theo thứ tự từ Bắc vào Nam là

- A. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Huế - Đà Nẵng.
- B. Hà Nội, Huế - Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh.
- C. Huế - Đà Nẵng, Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh.
- D. TP. Hồ Chí Minh, Huế - Đà Nẵng, Hà Nội.

256. Cây công nghiệp được coi là thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. cà phê.
- B. chè.
- C. cao su.
- D. hồ tiêu.

257. Ranh giới tự nhiên giữa 2 châu lục Á và Âu trên lãnh thổ LB Nga là

- A. dòng sông Ê-nít-xây.
- B. dãy núi U-ran.
- C. dòng sông Von-ga.
- D. dòng sông Lê-na.

258. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 11, hai loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở vùng Đông Nam Bộ là

- A. đất feralit trên đá badan, đất xám trên phù sa cổ.
- B. đất phù sa sông, đất xám trên phù sa cổ.

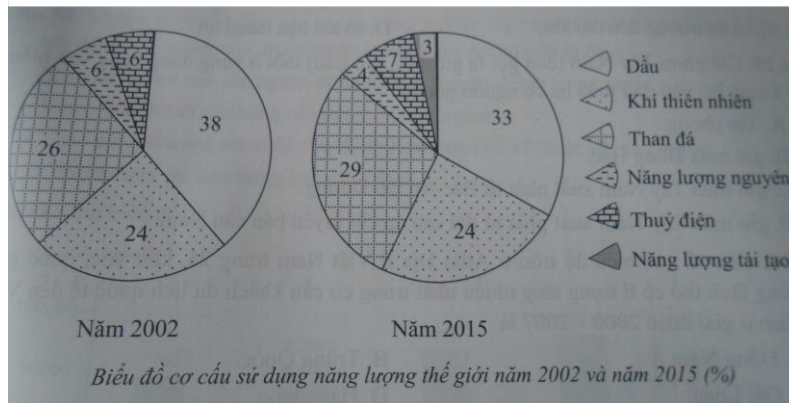
- C. đất phèn, đất feralit trên đá badan.
D. đất xám trên phù sa cổ, đất feralit trên đá vôi.
259. Việc làm đường hầm ô tô qua Hoành Sơn và Hải Vân ở vùng Bắc Trung Bộ góp phần
- A. làm tăng khả năng vận chuyển của tuyến Bắc – Nam.
B. làm tăng khả năng vận chuyển của tuyến Đông – Tây.
C. mở rộng giao thương với nước bạn Lào.
D. mở rộng giao thương với nước bạn Campuchia.
260. Căn cứ vào bản đồ Thủy sản (năm 2007) ở Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, các tỉnh có giá trị sản xuất thủy sản trong tổng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản dưới 5% phân bố chủ yếu ở hai vùng
- A. Đông Nam Bộ, Bắc Trung Bộ.
B. Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.
C. Tây Nguyên, Trung du và miền núi Bắc Bộ.
D. Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên.
261. Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA NHẬT BẢN QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	1990	1995	2000	2010	2015
Xuất khẩu	287,6	443,1	479,2	769,8	624,8
Nhập khẩu	235,4	335,9	379,5	692,4	648,3

- Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản giai đoạn 1990 – 2015 là
- A. biểu đồ tròn.
B. biểu đồ miền.
C. biểu đồ đường.
D. biểu đồ cột.
262. Đường ống của nước ta hiện nay có đặc điểm là
- A. chỉ phát triển ở Đồng bằng sông Hồng.
B. đã vận chuyển khí đốt từ thềm lục địa vào đất liền.
C. chỉ vận chuyển các loại xăng dầu thành phẩm.
D. chưa gắn với sự phát triển của ngành dầu khí.
263. Ý nào **không** phải là điều kiện thuận lợi của vùng Đông Nam Bộ?
- A. Giáp các vùng giàu nguyên liệu.
B. Có cửa ngõ thông ra biển.
C. Có tiềm năng lớn về đất phù sa.
D. Có địa hình tương đối bằng phẳng.
264. Cho biểu đồ



Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây là đúng?

- A. Cơ cấu sử dụng năng lượng trên thế giới hầu như không thay đổi.
 - B. Dầu khí là nguồn năng lượng quan trọng nhất và có tỉ trọng ngày càng tăng.
 - C. Cơ cấu sử dụng ngày càng thay đổi, xuất hiện nhiều nguồn năng lượng mới.
 - D. Tỉ trọng của thủy điện rất thấp và ngày càng giảm.
265. Sự suy giảm đa dạng sinh học ở nước ta **không** có biểu hiện nào dưới đây?
- A. Suy giảm về số lượng loài.
 - B. Suy giảm thể trạng của các cá thể trong loài.
 - C. Suy giảm về hệ sinh thái.
 - D. Suy giảm về nguồn gen quý hiếm.
266. Biện pháp chủ yếu để giảm bớt tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị nước ta là
- A. đẩy mạnh công tác đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn lao động.
 - B. phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ.
 - C. phân bố lại lao động trong phạm vi cả nước.
 - D. đẩy mạnh xuất khẩu lao động.
267. Nguyên nhân chủ yếu làm cho ngành giao thông vận tải và thông tin liên lạc nước ta có vai trò đặc biệt quan trọng hiện nay là do
- A. đời sống nhân dân đang dần được ổn định.
 - B. kinh tế - xã hội đang phát triển mạnh mẽ theo chiều rộng.
 - C. sự mở cửa, hội nhập và phát triển mạnh nền kinh tế thị trường.
 - D. nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng sâu, vùng xa.
268. Ngành chăn nuôi lợn của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ phát triển là do
- A. có diện tích trồng hoa màu lớn.
 - B. có nguồn lao động đông đảo.
 - C. có thị trường tiêu thụ lớn.
 - D. có khí hậu thuận lợi.
269. Gió phơn Tây Nam (còn gọi là **gió Tây**, gió Lào) thổi ở vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ vào đầu mùa hạ có nguồn gốc từ
- A. Tín phong.
 - B. gió mùa Đông Bắc.
 - C. gió mùa Tây Nam xuất phát từ Bắc Ấn Độ Dương.
 - D. gió mùa Tây Nam xuất phát từ dải cao áp chí tuyến bán cầu Nam.

270. Căn cứ vào biểu đồ tròn ở Atlas Địa lý Việt Nam trang 25, khu vực, quốc gia, vùng lãnh thổ có tỉ trọng tăng nhiều nhất trong cơ cấu khách du lịch quốc tế đến Việt Nam ở giai đoạn 2000 – 2007 là

- A. Đông Nam Á.
- B. Trung Quốc.
- C. Đài Loan.
- D. Hàn Quốc.

271. Đầu mối giao thông vận tải đường sắt lớn nhất của nước ta là

- A. Hà Nội.
- B. Hải Phòng.
- C. Đà Nẵng.
- D. TP. Hồ Chí Minh.

272. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2000	2005	2010	2015
Sản lượng				
Tổng	2250,5	3465,9	5142,7	6582,1
Khai thác	1660,9	1987,9	2414,4	3049,9
Nuôi trồng	589,6	1478,0	2728,3	3532,2

Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu trên?

- A. Giai đoạn 2000 – 2015, sản lượng thủy sản khai thác lớn hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng.
- B. Giai đoạn 2000 – 2015, tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn hơn tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác.
- C. Năm 2005, sản lượng thủy sản nuôi trồng chiếm 63,9 tổng sản lượng thủy sản cả nước.
- D. Sản lượng thủy sản khai thác có tốc độ tăng nhanh hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng.

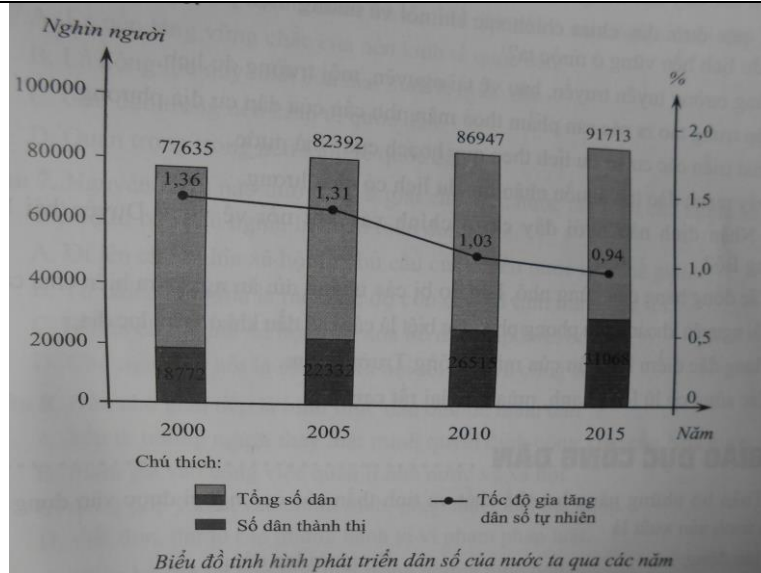
273. Hai nhà máy thủy điện có công suất lớn thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. Hòa Bình, Sơn La.
- B. Tuyên Quang, Thác Bà.
- C. Hàm Thuận, Sông Hinh.
- D. Trị An, Yaly.

274. Những năm gần đây, các ngành công nghiệp lắp ráp ô tô, xe máy, thiết bị điện tử trở thành thế mạnh của nhiều nước Đông Nam Á chủ yếu là do

- A. sự suy yếu của các ngành công nghiệp truyền thống trong nước.
- B. liên doanh với các hãng nổi tiếng ở nước ngoài.
- C. các công ti trong nước đã chủ động hoàn toàn về kĩ thuật và công nghệ.
- D. chủ trương ưu tiên dùng hàng nội địa.

275. Cho biểu đồ:



Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây là đúng?

- A. Dân số thành thị nhiều hơn dân số nông thôn và có xu hướng tăng.
 - B. Giai đoạn 2000 – 2015, số dân nước ta tăng thêm hơn 15 triệu người.
 - C. Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên giảm nhưng số dân nước ta vẫn tăng.
 - D. Dân số nước ta tăng chủ yếu do số dân thành thị nước ta lớn.
276. Sản lượng dầu thô khai thác của vùng Đông Nam Bộ tăng **không** phải là do
- A. tăng cường hợp tác với nước ngoài.
 - B. ngày càng khai thác nhiều mỏ hơn.
 - C. có nhiều nhà máy lọc – hóa dầu.
 - D. đầu tư vào máy móc thiết bị.
277. Ở nước ta, những nơi có lượng mưa lớn nhất là
- A. các đồng bằng châu thổ (đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long).
 - B. các đồng bằng ven biển miền Trung.
 - C. các sườn núi đón gió biển và các khối núi cao.
 - D. các thung lũng giữa núi.
278. Địa hình miền Tây Trung Quốc có đặc điểm là
- A. gồm các dãy núi cao và các đồng bằng rộng lớn.
 - B. gồm các dãy núi cao, các sơn nguyên đồ sộ xen lẫn các bồn địa.
 - C. gồm các sơn nguyên đồ sộ và các đồng bằng rộng lớn, đất đai màu mỡ.
 - D. gồm các dãy núi trung bình và các sơn nguyên đồ sộ.
279. Ý nào dưới đây **chưa** chính xác khi nói về những biện pháp đồng bộ nhằm phát triển du lịch bền vững ở nước ta?
- A. Tăng cường tuyên truyền, bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch.
 - B. Tập trung tạo ra các sản phẩm thỏa mãn nhu cầu của dân cư địa phương.
 - C. Phát triển các cơ sở du lịch theo quy hoạch của Nhà nước.
 - D. Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực du lịch có chất lượng.
280. Nhận định nào dưới đây **chưa** chính xác khi nói về vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?
- A. Các đồng bằng của vùng nhỏ, hẹp do bị các nhánh núi ăn ngang ra biển chia cắt.
 - B. Tài nguyên khoáng sản phong phú, đặc biệt là các mỏ dầu khí ở thềm lục địa.
 - C. Mang đặc điểm khí hậu của miền Đông Trường Sơn.
 - D. Các sông có lũ lên nhanh, mùa khô lại rất cạn.

ĐỀ 8

281. Hậu quả lớn nhất của hiện tượng nước biển dâng do biến đổi khí hậu là
A. sạt lở nhiều đoạn bờ biển.
B. nhiều diện tích đất ven biển bị nhiễm mặn.
C. nhiều vùng đất lớn bị ngập nước biển.
D. tàn phá rừng ngập mặn ven biển.
282. Gió mùa Đông Nam hoạt động ở miền Bắc vào thời gian
A. cuối mùa đông.
B. đầu và giữa mùa hạ.
C. giữa và cuối mùa hạ.
D. đầu mùa đông.
283. Kinh tế trang trại ở nước ta
A. mới được hình thành và phát triển từ năm 2010.
B. góp phần đưa nông nghiệp lên sản xuất hàng hóa.
C. chỉ tập trung vào ngành trồng trọt.
D. chỉ tập trung vào nuôi trồng thủy sản.
284. Sự khác biệt của Tây Nguyên với các vùng khác về vị trí là
A. không giáp biển.
B. giáp với Campuchia.
C. giáp với nhiều vùng.
D. giáp Lào.
285. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, tỉ trọng GDP của vùng Bắc Trung Bộ so với GDP cả nước năm 2007 là
A. 6,8%.
B. 7,8%.
C. 8,8%.
D. 9,8%.
286. Loại thiên tai không xảy ra ở vùng biển nước ta là
A. sạt lở bờ biển.
B. nạn cát bay.
C. lũ quét.
D. bão.
287. Phân bố dân cư chưa hợp lí ảnh hưởng rất lớn đến
A. mức gia tăng dân số.
B. truyền thống sản xuất, văn hóa, phong tục tập quán của các dân tộc.
C. cơ cấu dân số.
D. sử dụng lao động và khai thác tài nguyên.
288. Biểu hiện kinh tế - xã hội nào dưới đây là của nhóm nước phát triển?
A. GDP/người thấp.
B. Tỉ suất tử vong của trẻ sơ sinh cao.
C. Đầu tư ra nước ngoài (FDI) ít.
D. Chỉ số phát triển con người (HDI) cao.
289. Một mô hình sản xuất hàng hóa trong ngành chăn nuôi ở nước ta là
A. hợp tác xã chăn nuôi theo hình thức quảng canh.

- B. kinh tế hộ gia đình sản xuất quy mô nhỏ, tự cung, tự cấp.
C. chăn nuôi trang trại theo hình thức công nghiệp.
D. kinh tế hộ gia đình chăn nuôi theo hình thức quảng canh.
290. Dãy núi cao, đồ sộ Hoàng Liên Sơn nằm trong vùng núi
A. Trường Sơn Bắc.
B. Trường Sơn Nam.
C. Đông Bắc.
D. Tây Bắc.
291. Căn cứ vào bản đồ Lúa (năm 2007) ở Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, tỉnh có tỉ lệ diện tích trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực thấp nhất vùng Đồng bằng sông Hồng là
A. Hưng Yên.
B. Vĩnh Phúc.
C. Hà Nam.
D. Hải Dương.
292. Vấn đề năng lượng của vùng Đông Nam Bộ sẽ được giải quyết theo hướng
A. phát triển nguồn điện và mạng lưới điện.
B. nhập điện từ nước ngoài.
C. sử dụng điện nguyên tử.
D. sử dụng nguồn điện gió.
293. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hệ thống sông lớn duy nhất ở nước ta có dòng chảy đổ nước sang Trung Quốc là
A. sông Hồng.
B. sông Kỳ Cùng – Bằng Giang.
C. sông Mê Công.
D. sông Thái Bình.
294. Loại khoáng sản chủ yếu của khu vực Tây Nam Á là
A. dầu mỏ và khí tự nhiên.
B. kim loại màu và kim loại quý.
C. than, sắt và vật liệu xây dựng.
D. vàng và kim cương.
295. Nhân tố nào **không** phải là điều kiện thuận lợi của vùng Đồng bằng sông Hồng để thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế?
A. Nguồn lao động có trình độ.
B. Tập trung nhiều trung tâm công nghiệp và dịch vụ lớn.
C. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho công nghiệp và dịch vụ tốt.
D. Giàu tài nguyên khoáng sản và năng lượng.
296. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, ở trung tâm công nghiệp Vinh **không** có ngành nào sau đây?
A. Chế biến nông sản.
B. Cơ khí.
C. Sản xuất vật liệu xây dựng.
D. Dệt, may.
297. Cho bảng số liệu:
CƠ CẤU GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU HÀNG HÓA PHÂN THEO NHÓM HÀNG
CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM
-

(Đơn vị: %)

Nhóm hàng	Năm	1995	2000	2005	2010	2015
Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản		25,3	37,2	36,1	31,0	45,4
Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp		28,5	33,8	41,0	46,1	40,0
Hàng nông, lâm, thủy sản		46,2	29,0	22,9	22,9	14,6

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hóa phân theo nhóm hàng của nước ta giai đoạn 1995 – 2015 là

- A. biểu đồ cột.
- B. biểu đồ đường.
- C. biểu đồ miền.
- D. biểu đồ kết hợp cột và đường.

298. Hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở nước ta mới được hình thành từ những năm 90 của thế kỉ XX là

- A. điểm công nghiệp.
- B. vùng công nghiệp.
- C. khu công nghiệp.
- D. trung tâm công nghiệp.

299. Hệ quả nào dưới đây **không** do toàn cầu hóa kinh tế đem lại?

- A. Thúc đẩy sản xuất phát triển, tăng trưởng kinh tế toàn cầu.
- B. Dân số thế giới tăng nhanh.
- C. Tăng cường hợp tác quốc tế.
- D. Đẩy nhanh đầu tư.

300. Ý nào dưới đây là đúng khi nói về ngành du lịch ở nước ta những năm qua?

- A. Phát triển nhanh nhờ chính sách Đổi mới của Nhà nước.
- B. Số lượng khách quốc tế rất ổn định hằng năm.
- C. Doanh thu từ du lịch có xu hướng giảm.
- D. Số lượng khách nội địa không nhiều bằng số lượng khách quốc tế.

301. Việc sử dụng đồng tiền chung (ơ-rô) của Liên minh châu Âu **không** đưa đến tác dụng nào dưới đây?

- A. Xóa bỏ những rủi ro khi chuyển đổi tiền tệ.
- B. Nâng cao vị thế của đồng ơ-rô so với các đồng tiền khác.
- C. Tạo thuận lợi cho việc chuyển giao vốn trong Liên minh châu Âu.
- D. Đơn giản hóa công tác kế toán của các doanh nghiệp đa quốc gia.

302. Cho bảng số liệu

**CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ
CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM**

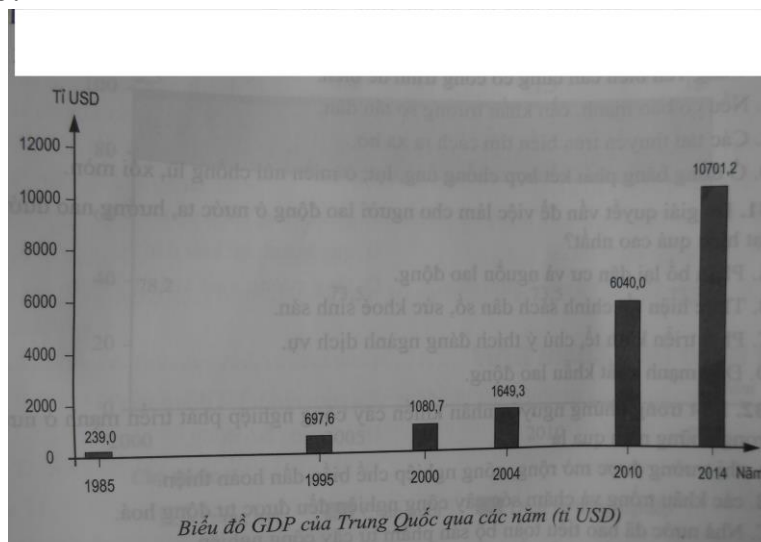
(Đơn vị: %)

Thành phần kinh tế	Năm	2000	2005	2010	2015
Nhà nước		9,3	9,5	10,4	9,8
Ngoài Nhà nước		90,1	88,9	86,1	86,0
Có vốn đầu tư nước ngoài		0,6	1,6	3,5	4,2

Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu trên?

- A. Đại bộ phận lao động nước ta tập trung ở khu vực kinh tế Nhà nước.
- B. Tỷ lệ lao động ở thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng.

- C. Không có sự thay đổi trong cơ cấu lao động phân theo thành phần kinh tế.
D. Sự thay đổi này không phù hợp với nền kinh tế nhiều thành phần.
303. Các ngành công nghiệp đang được mở rộng phát triển ở phía Nam và ven Thái Bình Dương của Hoa Kỳ là
A. khai khoáng, luyện kim, chế tạo ô tô,...
B. hóa dầu, hàng không – vũ trụ, điện tử, viễn thông,...
C. điện lực, hóa chất, đóng tàu,...
D. dệt, gia công đồ nhựa, may mặc, da giày,...
304. Trên đất liền nước ta, nơi có thời gian hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh gần nhất là
A. điểm cực Bắc.
B. điểm cực Nam.
C. điểm cực Đông.
D. điểm cực Tây.
305. Các ngành công nghiệp chủ yếu của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là
A. cơ khí, chế biến nông – lâm – thủy sản và sản xuất hàng tiêu dùng.
B. luyện kim, chế biến nông – lâm – thủy sản và sản xuất hàng tiêu dùng.
C. hóa chất, chế biến nông – lâm – thủy sản và sản xuất hàng tiêu dùng.
D. khai thác than, chế biến nông – lâm – thủy sản và sản xuất hàng tiêu dùng.
306. Cho biểu đồ:



- Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây là đúng?
A. GDP của Trung Quốc tăng qua các năm.
B. GDP của Trung Quốc tăng giảm không đều qua các năm.
C. GDP của Trung Quốc tăng qua các giai đoạn, trong đó giai đoạn 2010 – 2014 tăng chậm nhất.
D. GDP của Trung Quốc tăng qua các giai đoạn, trong đó giai đoạn 1995 – 2000 tăng nhanh nhất.
307. Nhiệm vụ quan trọng nhất của ngành thông tin liên lạc là
A. truyền tin tức một cách nhanh chóng, chính xác và kịp thời.
B. thực hiện các mối giao lưu giữa các địa phương trong nước.
C. phát triển văn hóa, kinh tế - xã hội vùng sâu, vùng xa.
D. nâng cao dân trí, đảm bảo an ninh quốc phòng.

308. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của Trung Quốc năm 2005 chỉ còn 0,6% chủ yếu là do
- A. người dân không muốn sinh nhiều con.
 - B. Trung Quốc tiến hành chính sách dân số rất triệt để.
 - C. sự phát triển nhanh của y tế, giáo dục.
 - D. bình quân thu nhập theo đầu người còn thấp.
309. Loại khoáng sản đang có giá trị nhất ở Biển Đông nước ta hiện nay là
- A. dầu mỏ, khí tự nhiên.
 - B. muối.
 - C. cát thủy tinh.
 - D. titan.
310. Biện pháp phòng chống bão nào dưới đây **không** đúng?
- A. Vùng ven biển cần củng cố công trình đê biển.
 - B. Nếu có bão mạnh, cần khẩn trương sơ tán dân.
 - C. Các tàu thuyền trên biển tìm cách ra xa bờ.
 - D. Ở đồng bằng phải kết hợp chống úng, lụt; ở miền núi chống lũ, xói mòn.
311. Để giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động ở nước ta, hướng nào dưới đây đạt hiệu quả cao nhất?
- A. Phân bố lại dân cư và nguồn lao động.
 - B. Thực hiện tốt chính sách dân số, sức khỏe sinh sản.
 - C. Phát triển kinh tế, chú ý thích đáng ngành dịch vụ.
 - D. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động.
312. Một trong những nguyên nhân khiến cây công nghiệp phát triển mạnh ở nước ta trong những năm qua là
- A. thị trường được mở rộng, công nghiệp chế biến dần hoàn thiện.
 - B. các khâu trồng và chăm sóc cây công nghiệp đều được tự động hóa.
 - C. Nhà nước đã bao tiêu toàn bộ sản phẩm từ cây công nghiệp.
 - D. sản phẩm không bị cạnh tranh trên thị trường quốc tế.
313. Nhân tố nào **không** phải là điều kiện tự nhiên thuận lợi để Đồng bằng sông Cửu Long trở thành vùng trọng điểm lúa số một ở nước ta?
- A. Có tiềm năng lớn về đất phù sa ngọt.
 - B. Có khí hậu nhiệt đới nóng quanh năm.
 - C. Có diện tích đất phèn và đất mặn lớn.
 - D. Có sông ngòi dày đặc.
314. Căn cứ vào bản đồ Lượng mưa ở Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, khu vực có khí hậu khô hạn nhất ở nước ta là
- A. ven biển Bắc Bộ.
 - B. Bắc Trung Bộ.
 - C. Tây Bắc.
 - D. ven biển cực Nam Trung Bộ.
315. Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA NHẬT BẢN NĂM 1990 VÀ NĂM 2015

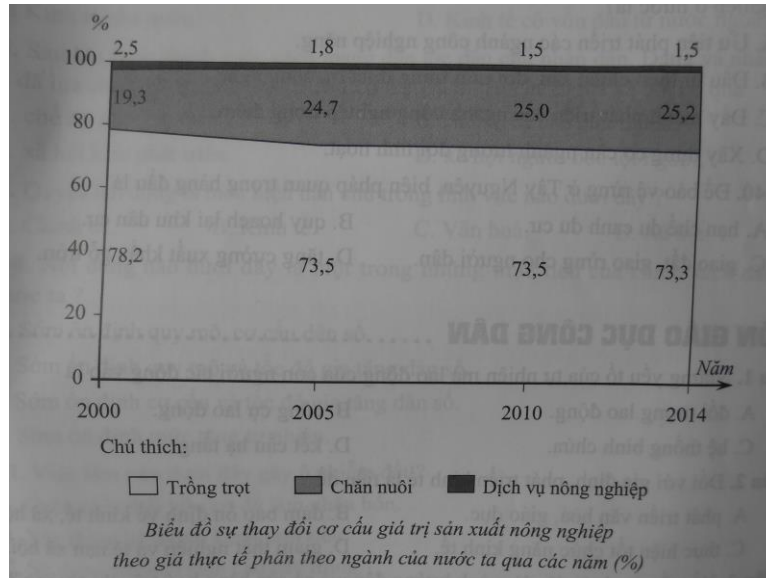
(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	1990	2015
Xuất khẩu	287,6	624,8
Nhập khẩu	235,4	648,3

Cán cân thương mại của Nhật Bản các năm 1990 và năm 2015 lần lượt là

- A. 858,7 tỉ USD và 1273,1 tỉ USD.
- B. 99,7 tỉ USD và 1273,1 tỉ USD.
- C. 858,7 tỉ USD và 23,5 tỉ USD.
- D. 52,2 tỉ USD và -23,5 tỉ USD.

316. Cho biểu đồ:



Căn cứ vào biểu đồ trên, cho biết nhận xét nào sau đây là đúng?

- A. Dịch vụ nông nghiệp phát triển mạnh ở các vùng nông thôn nước ta.
- B. Tỷ trọng ngành chăn nuôi đã tương ứng với ngành trồng trọt.
- C. Trong ngành nông nghiệp, trồng trọt vẫn là ngành chủ đạo.
- D. Tỷ trọng đóng góp của các ngành nông nghiệp chênh lệch nhau không đáng kể.

317. Lũ quét xảy ra ở nơi có các điều kiện nào dưới đây?

- A. Sườn các cao nguyên, nơi đổ dốc xuống các bề mặt thấp hơn.
- B. Những lưu vực sông suối miền núi có địa hình chia cắt mạnh, độ dốc lớn, mất lớp phủ thực vật, đất dễ bị xói mòn.
- C. Ở những đồng bằng thấp, nước sông dâng cao vào mùa lũ.
- D. Tất cả các nơi trên.

318. Mục tiêu chung của ASEAN là

- A. thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục và tiến bộ xã hội của các nước thành viên.
- B. xây dựng Đông Nam Á thành một khu vực hòa bình, ổn định.
- C. đoàn kết và hợp tác vì một ASEAN hòa bình, ổn định, cùng phát triển.
- D. giải quyết những khác biệt trong nội bộ liên quan đến mối quan hệ giữa ASEAN với các nước khác.

319. Hướng nào dưới đây **không** đặt ra để tiếp tục hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta?

- A. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp nặng.
- B. Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị, công nghệ.
- C. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.
- D. Xây dựng cơ cấu ngành tương đối linh hoạt.

320. Để bảo vệ rừng ở Tây Nguyên, biện pháp quan trọng hàng đầu là

- A. hạn chế du canh du cư.

- B. quy hoạch lại khu dân cư.
- C. giao đất, giao rừng cho người dân.
- D. tăng cường xuất khẩu gỗ tròn.

.....

ĐỀ 9

321. Các nước đứng hàng đầu về xuất khẩu gạo trong khu vực Đông Nam Á là
- A. Lào, In-đô-nê-xi-a.
 - B. Việt Nam, Thái Lan.
 - C. Việt Nam, Lào.
 - D. Thái Lan, Campuchia.
322. Độ dốc chung của địa hình nước ta là
- A. thấp dần từ bắc xuống nam.
 - B. thấp dần từ tây sang đông.
 - C. thấp dần từ đông bắc xuống tây nam.
 - D. thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.
323. Năm đô thị trực thuộc Trung ương của nước ta là
- A. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Huế, Hải Phòng, Đà Nẵng.
 - B. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Huế, Cần Thơ.
 - C. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ.
 - D. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, Bình Dương.
324. Sự phân hóa lãnh thổ công nghiệp ở nước ta là do tác động của
- A. kết cấu hạ tầng và vị trí địa lí.
 - B. tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là khoáng sản.
 - C. nguồn lao động có tay nghề và thị trường.
 - D. tổng hợp các nhân tố.
325. Yếu tố **không** phải là mục đích chính của việc phát triển kinh tế - xã hội ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là
- A. tạo điều kiện để dân cư miền núi tiến kịp miền xuôi.
 - B. bảo đảm sự bình đẳng giữa các dân tộc.
 - C. khai thác triệt để nguồn tài nguyên thiên nhiên.
 - D. củng cố sức mạnh kinh tế và quốc phòng.
326. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 11, hai hồ nước lớn ở lưu vực sông Đồng Nai là
- A. hồ Dầu Tiếng, hồ Lắc.
 - B. hồ Dầu Tiếng, hồ Kè Gỗ.
 - C. hồ Dầu Tiếng, hồ Trị An.
 - D. hồ Trị An, hồ Thác Bà.
327. Toàn cầu hóa kinh tế cũng có những mặt trái, đặc biệt là
- A. làm gia tăng nhanh chóng khoảng cách giàu nghèo.
 - B. tạo sự cạnh tranh gay gắt, trong đó các nước đang phát triển chịu nhiều thua thiệt.
 - C. bản sắc dân tộc bị xóa nhòa.
 - D. lan rộng các mặt tiêu cực trên phạm vi thế giới.
328. Ở nước ta, loại đất đặc trưng cho khí hậu nhiệt đới ẩm là
- A. đất phèn, đất mặn.
 - B. đất cát, đất pha cát.

- C. đất feralit.
D. đất phù sa ngọt.
329. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 17, khu kinh tế cửa khẩu duy nhất ở vùng Tây Nguyên (năm 2007) là
A. Cầu Treo.
B. Bờ Y.
C. Lao Bảo.
D. Cha Lo.
330. Thành tựu quan trọng nhất của sản xuất lương thực ở nước ta trong những năm qua là
A. bước đầu hình thành các vùng trọng điểm sản xuất lương thực hàng hóa.
B. sản lượng tăng nhanh, đáp ứng vừa đủ cho nhu cầu của hơn 90 triệu dân.
C. diện tích tăng nhanh, cơ cấu mùa vụ có nhiều thay đổi.
D. đảm bảo đủ nhu cầu trong nước và trở thành nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới.
331. Hiệp định Pa-ri năm 2015 về biến đổi khí hậu là cam kết đầu tiên của thế giới về khí hậu trên Trái Đất. Các nước kí hiệp định đã cam kết
A. hạn chế việc phát tán khí CFC, để bảo vệ tầng ôdôn.
B. góp phần hạn chế mức tăng nhiệt độ của Trái Đất.
C. tăng cường nhận thức về biến đổi khí hậu cho người dân.
D. giảm lượng khí thải gây ra mưa axit trên Trái Đất.
332. Sự khác biệt của Tây Nguyên với các vùng khác về vị trí là
A. không giáp biển.
B. giáp với Campuchia.
C. giáp với nhiều vùng.
D. giáp Lào.
333. Tây Nguyên có diện tích trồng chè khá lớn là do
A. có các cao nguyên cao.
B. có đất feralit tập trung thành vùng.
C. có mùa đông lạnh.
D. có nhiệt độ quanh năm cao.
334. Trở ngại lớn nhất cho việc sử dụng và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là
A. độ cao địa hình thấp nên thường xuyên chịu tác động xâm nhập mặn của thủy triều.
B. đất thiếu dinh dưỡng hoặc quá chặt, khó thoát nước.
C. phần lớn diện tích là đất phèn, đất mặn lại có mùa khô sâu sắc.
D. mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt gây trở ngại cho việc tiến hành cơ giới hóa.
335. Điểm khác biệt của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc so với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là có
A. cơ sở hạ tầng tốt.
B. lực lượng lao động trình độ cao.
C. nhiều ngành công nghiệp truyền thống.
D. cửa ngõ thông ra biển.

336. Các ngành công nghiệp chế tạo, sản xuất điện tử của Nhật Bản trở thành nổi tiếng trên thế giới vì
- A. giải quyết được việc làm cho nhiều lao động.
 - B. tận dụng được nguồn nguyên liệu trong nước.
 - C. có trình độ kĩ thuật cao.
 - D. đáp ứng đủ cho nhu cầu tiêu dùng nội địa.
337. Gió mùa Đông Bắc khi đến vùng Bắc Trung Bộ có đặc điểm là
- A. đã suy yếu, không còn ảnh hưởng tới vùng.
 - B. vẫn còn ảnh hưởng khá mạnh.
 - C. chỉ còn ảnh hưởng tới khu vực ven biển.
 - D. chỉ còn ảnh hưởng tới các khu vực núi cao ở **phương** tây.
338. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hai tỉnh ở vùng Đông Nam Bộ giáp với Campuchia là
- A. Tây Ninh, Bình Dương.
 - B. Bình Dương, Bình Phước.
 - C. Bình Phước, Đồng Nai.
 - D. Tây Ninh, Bình Phước.
339. Trong cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế, có tỉ trọng giảm nhưng vẫn luôn giữ vai trò chủ đạo là
- A. kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.
 - B. kinh tế Nhà nước.
 - C. kinh tế ngoài Nhà nước.
 - D. kinh tế tư nhân.
340. Hậu quả nghiêm trọng từ việc khai thác rừng quá mức ở châu Phi là
- A. nguồn cung cấp củi đốt của người dân cạn kiệt.
 - B. các loại gỗ có giá trị hầu như không còn.
 - C. đất đai phong hóa, diện tích hoang mạc, bán hoang mạc mở rộng.
 - D. nhiều loài động vật hoang dã diệt vong do mất nơi cư trú.
341. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, vùng nào có diện tích **đất** mặt nước nuôi trồng thủy sản lớn nhất ở nước ta?
- A. Đồng bằng sông Hồng.
 - B. Bắc Trung Bộ.
 - C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
 - D. Đồng bằng sông Cửu Long.
342. Cho bảng số liệu:

GDP CỦA TRUNG QUỐC VÀ THẾ GIỚI QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	1985	1995	2004	2010	2015
Trung Quốc	239	698	1649	6040	11008
Thế giới	12360	29357	40888	65648	74510

Nhận xét nào sau đây là đúng về tỉ trọng GDP của Trung Quốc và thế giới giai đoạn 1985 – 2015?

- A. Tỉ trọng GDP của Trung Quốc so với thế giới tăng giảm không ổn định.
- B. Tỉ trọng GDP của Trung Quốc so với thế giới ngày càng tăng.
- C. Tỉ trọng GDP của Trung Quốc so với thế giới có xu hướng giảm.
- D. Tỉ trọng GDP của Trung Quốc so với thế giới luôn ổn định.

343. Các cánh cung: Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều nằm trong vùng núi
A. Trường Sơn Bắc.
B. Trường Sơn Nam.
C. Đông Bắc.
D. Tây Bắc.
344. Phú Quốc trở thành một điểm du lịch hấp dẫn vì
A. có sân bay quốc tế.
B. được thiên nhiên ưu đãi và được đầu tư rất mạnh.
C. có di sản văn hóa thế giới.
D. là một di sản thiên nhiên thế giới.
345. Cho bảng số liệu

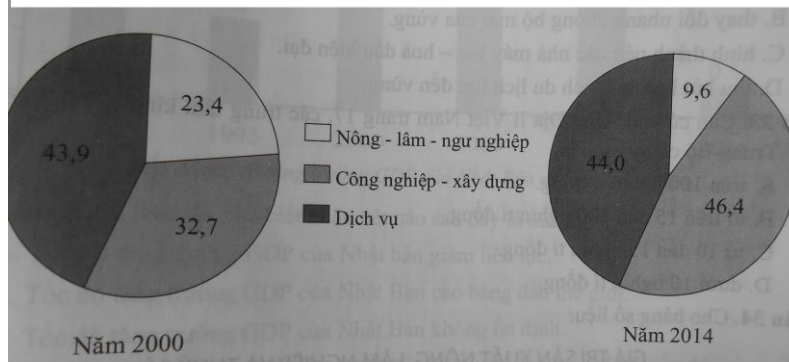
**CƠ CẤU DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG PHÂN THEO NHÓM CÂY
CỦA NƯỚC TA NĂM 1990 VÀ NĂM 2015**

(Đơn vị: %)

Các nhóm cây \ Năm	1990	2015
Tổng số	100,0	100,0
Cây lương thực	71,6	60,3
Cây công nghiệp	13,3	19,0
Cây thực phẩm, cây ăn quả, cây khác	15,1	20,7

Biểu đồ thể hiện rõ nhất cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây của nước ta trong hai năm trên là

- A. biểu đồ đường.
B. biểu đồ tròn.
C. biểu đồ kết hợp (cột và đường).
D. biểu đồ miền.
346. Nhận định nào dưới đây đúng?
A. Toàn lãnh thổ nước ta, trong năm có một lần Mặt Trời qua thiên đỉnh.
B. Toàn lãnh thổ nước ta, trong năm có hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh.
C. Trong năm, miền Bắc có một lần còn miền Nam có hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh.
D. Trong năm, miền Bắc có hai lần còn miền Nam có một lần Mặt Trời qua thiên đỉnh.
347. Nội thương của nước ta hiện nay
A. đã thu hút được sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế.
B. chưa có sự tham gia của các tập đoàn bán lẻ quốc tế lớn.
C. phát triển chủ yếu dựa vào các doanh nghiệp Nhà nước.
D. không có hệ thống siêu thị nào do người Việt quản lí.
348. Cho biểu đồ:



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng các ngành kinh tế vùng Đồng bằng sông Hồng năm 2000 và năm 2014.
- B. Quy mô kinh tế vùng Đồng bằng sông Hồng năm 2000 và năm 2014.
- C. Cơ cấu kinh tế phân theo thành phần kinh tế vùng Đồng bằng sông Hồng năm 2000 và năm 2014.
- D. Cơ cấu kinh tế phân ngành vùng Đồng bằng sông Hồng năm 2000 và năm 2014.
349. Trong chế độ khí hậu, Nam Bộ và Tây Nguyên có hai mùa rõ rệt là
- A. mùa gió Đông Bắc và mùa gió Tây Nam.
- B. mùa nóng và mùa lạnh.
- C. mùa nóng, mưa nhiều và mùa lạnh, khô.
- D. mùa mưa và mùa khô.
350. Hiện tại, cơ cấu dân số nước ta có đặc điểm là
- A. cơ cấu dân số trẻ.
- B. đang biến đổi chậm theo hướng già hóa.
- C. đang biến đổi nhanh theo hướng già hóa.
- D. cơ cấu dân số già.
351. Ý nào **không** phải là đặc điểm của ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm ở nước ta?
- A. Có cơ cấu ngành đa dạng.
- B. Là ngành mới, đòi hỏi cao về trình độ.
- C. Có nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú.
- D. Có thị trường tiêu thụ rộng lớn.
352. Công nghiệp khai thác dầu khí phát triển đã giúp cho Đông Nam Bộ
- A. trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất cả nước.
- B. thay đổi nhanh chóng bộ mặt của vùng.
- C. hình thành nên các nhà máy lọc – hóa dầu hiện đại.
- D. thu hút lượng khách du lịch lớn đến vùng.
353. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 17, các trung tâm kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ có quy mô là
- A. trên 100 nghìn tỉ đồng.
- B. từ trên 15 đến 100 nghìn tỉ đồng.

C. từ 10 đến 15 nghìn tỉ đồng.

D. dưới 10 nghìn tỉ đồng.

354. Cho bảng số liệu

**GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN
CỦA NƯỚC TA NĂM 2000 VÀ NĂM 2014**

(Đơn vị: nghìn tỉ đồng – giá thực tế)

Năm	2000	2014
Ngành		
Nông nghiệp	129,1	623,2
Lâm nghiệp	7,7	24,6
Thủy sản	26,5	188,6
Tổng số	163,3	836,4

Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu trên?

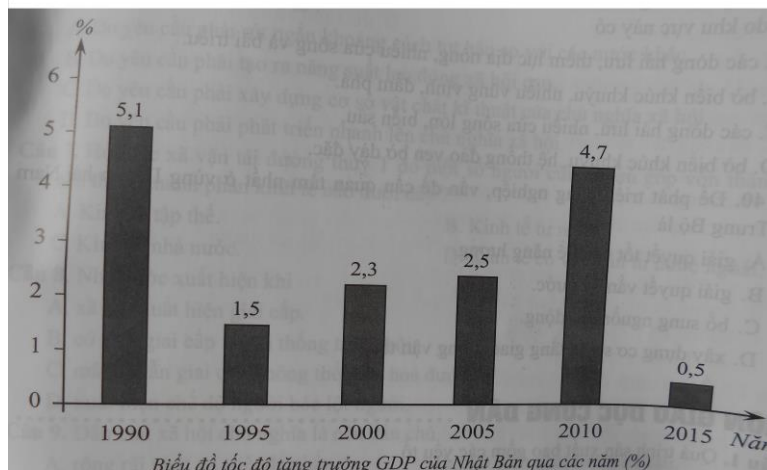
A. Tỷ trọng ngành trồng trọt giảm từ 79,1% năm 2000 xuống 75,4% năm 2014.

B. Tỷ trọng ngành thủy sản tăng từ 16,2% năm 2000 lên 25,2% năm 2014.

C. Giá trị sản xuất toàn ngành tăng 5,1 lần từ năm 2000 đến năm 2014.

D. Tỷ trọng ngành lâm nghiệp luôn chiếm trên 5,0% giá trị sản xuất toàn ngành.

355. Cho biểu đồ:



Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây là đúng?

A. Tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản giảm liên tục.

B. Tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản cao hàng đầu thế giới.

C. Tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản không ổn định.

D. Tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản thấp và hầu như không biến động.

356. Ngành hàng không nước ta có bước phát triển rất nhanh chủ yếu nhờ

A. huy động được các nguồn vốn lớn từ cả trong và ngoài nước.

B. có chiến lược phát triển táo bạo, nhanh chóng hiện đại hóa cơ sở vật chất.

C. có đội ngũ lao động trình độ khoa học kỹ thuật cao.

D. mở rộng thành phần kinh tế tham gia khai thác các chuyến bay trong nước và quốc tế.

357. Ở vùng đồi núi nước ta, sự phân hóa thiên nhiên theo Đông – Tây chủ yếu do

A. độ cao phân thành các bậc địa hình khác nhau.

B. tác động của gió mùa với hướng của các dãy núi.

- C. độ dốc của địa hình theo hướng tây bắc – đông nam.
D. tác động mạnh mẽ của con người.
358. Diện tích rừng của LB Nga đứng đầu thế giới, chủ yếu là
A. rừng rậm nhiệt đới.
B. rừng cận nhiệt đới.
C. rừng lá kim (Taiga).
D. rừng lá rộng.
359. Ngư trường Cà Mau – Kiên Giang là một trong những ngư trường lớn nhất nước ta do khu vực này có
A. các dòng hải lưu, thềm lục địa nông, nhiều cửa sông và bãi biển.
B. bờ biển khúc khuỷu, nhiều vũng vịnh, đầm phá.
C. các dòng hải lưu, nhiều cửa sông lớn, biển sâu.
D. bờ biển khúc khuỷu, hệ thống đảo ven bờ dày đặc.
360. Để phát triển công nghiệp, vấn đề cần quan tâm nhất ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là
A. giải quyết tốt vấn đề năng lượng.
B. giải quyết vấn đề nước.
C. bổ sung nguồn lao động.
D. xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông vận tải.